

Tài liệu ôn tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh.

a) Khái niệm tư tưởng

- Trong thuật ngữ “ [tư tưởng Hồ Chí Minh](#)” khái niệm “ tư tưởng” có ý nghĩa ở tầm khái quát triết học.

- "Tư tưởng" ở đây không phải dùng với nghĩa tinh thần - tư tưởng, ý thức tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng, mà với nghĩa là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học(thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

Khái niệm "tư tưởng" liên quan trực tiếp đến khái niệm "nhà tư tưởng". Một người xứng đáng là nhà tư tưởng, theo V.I.Lênin khi người đó biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị-sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

b) Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Quá trình nhận thức của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh đi từ thấp đến cao, từ những vấn đề cụ thể đến hệ thống hoàn chỉnh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991) đánh dấu một cột mốc quan trọng trong nhận thức của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Văn kiện của Đại hội định nghĩa: "tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc".

Kể từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được tiến hành nghiêm túc và đạt được những kết quả quan trọng. Những kết quả nghiên cứu đó đã cung cấp luận cứ khoa học có sức thuyết phục để Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1-2011) xác định khá toàn diện và có hệ thống những vấn đề cốt yếu thuộc nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể



của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi".

Dựa trên định hướng cơ bản các văn kiện đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, các nhà khoa học đã đưa ra định nghĩa: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác—Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người".

- Phân tích định nghĩa:

+ Thứ nhất : Trước hết phải hiểu TTHCM với tư cách là một bộ môn khoa học. Mặt khác, TTHCM gắn liền với tiền trình CMVN từ khi có Đảng=> TTHCM và tư tưởng của Đ là thống nhất.

+ Thứ hai: TTHCM không phải ra đời trên một mảnh đất trống không mà hình thành, phát triển trên một mảnh đất hiện thực. Đó là sự kết tinh của truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và trí tuệ thời đại. Trong đó, chủ nghĩa Mác- Lê nin được coi là cơ sở lý luận chủ yếu và trực tiếp nhất, tạo ra bước nhảy vọt về chất trong TTHCM.HCM đã vận dụng một cách sáng tạo vào trong điều kiện cụ thể của Việt Nam,

+ Thứ 3: Vấn đề cốt lõi tổng TTHCM là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người (Độc lập dân tộc phải gắn liền với CNXH), nghĩa là CM phải triệt để, Cm phải đến nơi.

=> TTHCM là ngọn cờ thắng lợi của CMVN trong suốt hơn 70 năm qua và tiếp tục soi sáng con đường chúng ta tiến lên xây dựng một đất nước VN hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN.

2. Nguồn gốc (cơ sở hình thành) tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Cơ sở khách quan.

a) Bối cảnh lịch sử hình thành TTHCM.

*** Bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19, đầu tk 20.**

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến động.

Trong nước, chính quyền triều Nguyễn đã từng bước khuất phục trước cuộc xâm lược của tư bản Pháp, biểu hiện cụ thể bằng việc lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng, thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam.



Cho đến cuối thế kỷ XIX các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới khẩu hiệu “cần vương” do các sĩ phu, văn thân lãnh đạo cuối cùng cũng thất bại. Hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

Các cuộc khai thác của thực dân Pháp cũng khiến cho xã hội nước ta có sự biến chuyển và phân hóa, tầng lớp.

Tiểu tư sản và tư sản bắt đầu xuất hiện, tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước - giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Cùng vào thời điểm lịch sử đó, các “tân thư”, “tân văn”, tân báo” và những ảnh hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc tràn vào Việt Nam, phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản.

Phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, các sĩ phu nho học có tư tưởng tiến bộ, thức thời, tiêu biểu như Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh đã cố gắng tổ chức và vận động cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp theo mục tiêu và phương pháp mới. Song, chủ trương cầu ngoại viện, dùng bạo lực để khôi phục độc lập của Phan Bội Châu đã thất bại. Chủ trương “ ỷ Pháp cầu tiến bộ”, khai thông dân trí, nâng cao dân khí trên cơ sở đó mà lần lần tính chuyện giải phóng... của Phan Chu Trinh cũng không thành công. Còn con đường khởi nghĩa của người anh hùng Hoàng Hoa Thám thì vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, chưa phải là lối thoát rõ ràng, hướng đi đúng đắn. Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi, phải đi theo một con đường mới.

*** Bối cảnh quốc tế, ảnh hưởng của thời đại đến việc hình thành tư tưởng HCM:**

Khi con thuyền Việt Nam còn lênh đênh chưa rõ bờ bến phải đi tới thì lịch sử thế giới trong giai đoạn này cũng đang có những biến chuyển to lớn.

Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền, đã xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc đã trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa.

Có một thực tế lịch sử là trong quá trình xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân tại các nước nhược tiểu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ - latin, sự bóc lột phong kiến trước kia vẫn được duy trì, và bao trùm lên nó là sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Bên cạnh các giai cấp cơ bản trước kia, đã xuất hiện thêm các giai cấp tầng lớp xã hội mới.

Từ cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản cuối thế kỷ XIX và nhất là “sự thức tỉnh châu Á” đầu thế kỷ XX đã dẫn đến một cao trào mới của cách mạng thế giới với đỉnh cao là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập Chính quyền Xô viết, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, nhiều dân tộc vốn là thuộc địa của đế quốc Nga đã được tự do, được hưởng quyền dân tộc tự quyết, hình thành nên các quốc gia độc lập và dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922).

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (3-1919), phong trào công nhân trong các nước tư bản phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông càng có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Ở Hồ Chí Minh cũng như ở nhiều anh hùng, danh nhân khác của dân tộc ta, sự kết hợp hài hòa giữa những điều kiện khách quan và chủ quan chính là nhân tố có ý nghĩa quyết định dẫn tới hành động cách mạng và giành thắng lợi.

*** Ảnh hưởng của quê hương và gia đình**

- Nghệ An là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, là quê hương của nhiều vị anh hùng trong lịch sử : Nguyễn Công Trứ, Mai Trúc Loan, Nguyễn Biều, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Vương Trức Mậu, Nguyễn Sinh Quyển,..

- HCM đc sinh ra và lớn lên trong 1 gia đình nhà nho yêu nước, Thân sinh của Người- cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là 1 nhà nho cấp tiến, giàu lòng yêu nước, thương dân, chủ trương dựa vào dân để cải cách chính trị đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với sự hình thành nhân cách của HCM.

- Ngay từ nhỏ, HCM – lúc đó còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung- đã vô cùng đau xót khi phải chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp và bóc lột đến cùng cực của đồng bào ngay trên mảnh đất quê hương. Cậu đã chứng kiến sự bạc nhược, uơ hèn của quan Triều, đặc biệt qua 2 lần đến Huế.

b) Những tiền đề tư tưởng – lý luận

- Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời đã hình thành nên những giá trị truyền thống hết sức đặc sắc và cao quý của dân tộc Việt Nam, trở thành tiền đề tư tưởng, lý luận xuất phát hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất, là tinh thần tương thân tương ái, lòng nhân nghĩa, ý thức cố kết cộng đồng, là ý chí vươn lên vượt qua mọi khó khăn, thử thách, là trí thông minh, tài sáng tạo, quý trọng hiền tài, khiêm tốn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc...



Trong những giá trị đó, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là tư tưởng, tình cảm cao quý, thiêng liêng nhất, là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo và lòng dũng cảm của người Việt Nam, cũng là chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc.

Chính sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã thúc giục Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, tìm kiếm những gì hữu ích cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước sẽ biến thành lực lượng vật chất thực sự khi nó ăn sâu vào tiềm thức, vào ý chí và hành động của mỗi con người. Chính từ thực tiễn đó Hồ Chí Minh đã đúc kết chân lý: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước".

-Tinh hoa văn hóa nhân loại

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hóa phương Đông với các thành tựu hiện đại của văn minh phương Tây - đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành tư tưởng, nhân cách và văn hóa Hồ Chí Minh.

Đối với văn hóa phương Đông, cùng với những hiểu biết uyên bác về Hán học, Hồ Chí Minh biết chất lọc lấy những gì tinh túy nhất trong các học thuyết triết học, hoặc trong tư tưởng của Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử... Người tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo. Đó là các triết lý hành động tư tưởng nhập thể, hành đạo, giúp đời, đó là ước vọng về một xã hội bình trị, hòa mục, hòa đồng, là triết lý nhân sinh, tu thân dưỡng tính, đề cao văn hóa lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Người dẫn lời của V.I.Lênin: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại". Về phật giáo, Hồ Chí Minh tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc các tư tưởng vị tha, từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân; là nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện; là tinh thần bình đẳng, dân chủ, chống phân biệt đẳng cấp; là việc đề cao lao động, chống lười biếng "nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực"; là chủ trương sống không xa lánh việc đời mà gắn bó với dân, với nước, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân chống kẻ thù dân tộc... Đến khi đã trở thành người mácxít. Hồ Chí Minh lại tiếp tục tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn vì thấy trong đó "những điều thích hợp với điều kiện của nước ta".

Cùng với những tư tưởng triết học phương Đông. Hồ Chí Minh còn tiếp thu nền văn hóa dân chủ và cách mạng phương Tây. Người sớm làm quen với văn hóa Pháp, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở Pháp và ở Mỹ. Người trực tiếp đọc và tiếp thu các tư tưởng về tự do,



bình đẳng, bác ái qua các tác phẩm của các nhà Khai sáng như Vonte (Voltaire), Rútxô (Rousso), Môngtétxkiơ (Montésquieu). Người tiếp thu các giá trị của bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Đại cách mạng Pháp, các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của Tuyên ngôn độc lập ở Mỹ năm 1776.

Nói tóm lại, trên hành trình cứu nước, Hồ Chí Minh đã tự biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây vừa tiếp thu, vừa gạn lọc để từ tầm cao tri thức nhân loại mà suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

- Chủ nghĩa Mác — Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin ở Hồ Chí Minh diễn ra trên nền tảng của những tri thức văn hóa tinh túy được chắt lọc, hấp thụ và một vốn chính trị vốn hiểu biết phong phú, được tích lũy qua thực tiễn hoạt động đấu tranh vì mục tiêu cứu nước và giải phóng dân tộc.

Bản lĩnh trí tuệ đã nâng cao khả năng tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo ở Người khi vận dụng những nguyên lý cách mạng của thời đại vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Quá trình đó cũng diễn ra một cách tự nhiên, chân thành và giản dị. Điều này đã được Hồ Chí Minh cắt nghĩa trong bài Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác - Lênin: "Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên... Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình... Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua vì các "ông bà" ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu".

Quá trình tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin ở Hồ Chí Minh thực chất "là chặng đường chiến thắng biết bao khó khăn với sự lựa chọn vững chắc, tránh được những sai lầm dẫn tới ngõ cụt"^[2].

Thực tiễn trong suốt 10 năm đi tìm đường cứu nước, nhất là sau khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin (1920), Nguyễn Ái Quốc đã "cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng... vui mừng đến phát khóc, vì đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc. Như vậy, chính luận cương của V.I.Lênin đã nâng cao nhận thức của Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc. Nó phù hợp và đáp ứng những tình cảm, suy nghĩ, hoài bão được ấp ủ từ lâu nay đang trở thành hiện thực

Người viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba".

Từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã tiến dần tới những nhận thức "lý tính", trở lại nghiên cứu chủ nghĩa Mác sâu sắc hơn để rồi tiếp thu học thuyết của các ông một cách có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp mácxít, nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở.

Thế giới quan và phương pháp luận Mác Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra con đường cứu nước: "trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới"; "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"; "Chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được thắng lợi to lớn".

2. Nhân tố chủ quan:

- Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh

Những năm tháng hoạt động trong nước và bôn ba khắp thế giới để học tập, nghiên cứu, Hồ Chí Minh đã không ngừng quan sát, nhận xét thực tiễn, làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình, đồng thời hình thành những cơ sở quan trọng để tạo dựng nên những thành công trong lĩnh vực hoạt động lý luận của Người về sau.

Các nhà yêu nước tiền bối và cùng thời với Hồ Chí Minh tuy cũng đã có những quan sát, nhưng họ chưa nhận thấy, hoặc nhận thức chưa đúng về sự thay đổi của dân tộc và thời đại. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh khám phá các quy luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nhờ vào con đường nhận thức chân lý như vậy mà lý luận của Hồ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng và khoa học.

- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn. Mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc, sự tác động mạnh mẽ của thời đại và sự nhận thức đúng đắn về thời đại đã tạo điều kiện để Hồ Chí Minh hoạt động có hiệu quả cho dân tộc và nhân loại.



Có được điều đó là nhờ vào nhân cách, phẩm chất và tài năng trí tuệ siêu việt của Hồ Chí Minh.

Phẩm chất, tài năng đó được biểu hiện trước hết ở tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, cộng với đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc nhận xét, đánh giá các sự vật sự việc xung quanh.

Phẩm chất, tài năng đó cũng được biểu hiện ở bản lĩnh kiên định, luôn tin vào nhân dân; khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi; nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã khám phá ra lý luận cách mạng thuộc địa trong thời đại mới trên cơ sở đó xây dựng một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc và sáng tạo về cách mạng Việt Nam, kiên trì chân lý và định ra các quyết sách đúng đắn, sáng tạo để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh còn biểu hiện ở sự khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại, là tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước thương dân, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của đồng bào.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tổng hòa của những điều kiện khách quan và chủ quan, của truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Từ thực tiễn dân tộc và thời đại được Hồ Chí Minh tổng kết, chuyển hóa sắc sảo, tinh tế với một phương pháp khoa học, biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng Việt Nam hiện đại.

3. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ 1980 - 1911: Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

Đây là thời kỳ HCM lớn lên và sống trong nỗi đau của người dân mất nước, được sự giáo dục của gia đình, quê hương, dân tộc về lòng yêu nước thương dân; sớm tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp; bản khoăn trước những thất bại của những sĩ phu yêu nước chống Pháp; ham học hỏi, muốn học hỏi những văn hoá tiên tiến của các cuộc cách mạng dân chủ ở châu Âu.

Trong thời kỳ này, ở HCM đã hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân, tha thiết bài vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, ham học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

Nhờ trang bị những phẩm chất và kiến thức trên HCM đã có sự lựa chọn đúng về con đường tìm đường cứu nước sau này.

Thời kỳ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

1911, Người rời Tổ quốc sang phương tây tìm đường cứu nước. Đó là việc làm mới mẻ khác với các bậc tiền bối.

Tiếp tục đến nhiều nước ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, sống và hoạt động với những người dân bị áp bức ở phương Đông và những người làm thuê ở phương Tây.

1919, thay mặt những ng VN yêu nước tại Pháp, NAQ gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam tới hội nghị Vecxay, đòi chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của nhân dân VN.

7/1920 Ng đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề thuộc địa của Lenin đăng trên báo L'Humanité.

Với việc biểu quyết tán thành Đề tam Quốc (Quốc tế III), tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp(12-1920), đã đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng NAQ

Đây là thời kỳ HCM đã có sự chuyển biến vượt bậc về tư tưởng; từ giác ngộ chủ nghĩa dân tộc tiến lên giác ngộ CNML, từ một chiến sĩ chống thực dân phát triển thành một chiến sĩ CSVN.

Thời kỳ 1920-1930: Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về CMVN

HCM đã có thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi, phong phú trên địa bàn Pháp 1921 1923, Liên Xô 1923 1924, Trung quốc 1924 1927, Thái Lan 1928 1929... Trong thời gian này, TTHCM về CMVN đã hình thành cơ bản

Những tác phẩm của Người có tính lý luận: Bản án chế độ thực dân Pháp 1925, Đường cách mệnh 1927, Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt) 1930

Nội dung căn bản của các tác phẩm trên;

Bản chất của CNTD là "ăn cướp", "giết người". Vì vậy CNTD là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân, và nhân dân lao động toàn thế giới

CM GPDT trong thời đại mới phải đi theo con đường CMVS là một bộ phận của CMVS TG

GPDT gắn liền với nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân CM GPDT ở thuộc địa và CMVS ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng không phụ thuộc vào nhau.

Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc "dân tộc cách mệnh" đánh đuổi bọn ngoại xâm giành độc lập tự do.

Nông dân là lực lượng đông đảo nhất bị đế quốc, phong kiến bóc lột nặng nề.



Vì vậy, cần phải thu phục lòng nhân dân đi theo thì cách mạng mới dành thắng lợi, xây dựng khối công nông liên minh làm lực lượng cho cách mạng

Cách mạng muốn thành công trước hết phải có Đảng lãnh đạo.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, vì vậy cần phải tập hợp, giác ngộ, tổ chức từng bước từ thấp lên cao.

Thời kỳ từ 1930-1945: Thời kỳ chịu đựng và vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững quan điểm, lập trường CM

Trên cơ sở tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản, trong mấy năm đầu của những năm 30, Hồ Chí Minh đã kiên trì giữ vững quan điểm cách mạng của mình, vượt qua khuynh hướng " tả" đang chi phối Quốc tế Cộng sản. Thực tiễn đã chứng minh quan điểm của Người là đúng.

Thời kỳ 1936-1939 Đảng ta chuyển hướng đấu tranh, thiết lập mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương T3-1938 đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương và từ năm 1939 đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

28-1-1941 sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài NAQ trở về Tổ quốc, tại hội nghị lần thứ 8 10-19/5/1941 họp tại Pắc Bó Cao Bằng dưới sự chủ trì của NAQ, Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược của cách mạng VN.

CM T8 thắng lợi, 2-9-1945 Ng đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đây là mốc lịch sử không chỉ đánh dấu kỷ nguyên tự do, độc lập mà là bước phát triển mở rộng tư tưởng dân quyền và nhân quyền của cách mạng tư sản thành quyền tự do, độc lập của các dân tộc trên thế giới

Là sự thắng lợi của CNML được vận dụng, phát triển sát đúng với hoàn cảnh ở VN.

Thời kỳ 1945 - 1969: tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

23-9-1945 Pháp núp sau quân đội Anh quay lại xâm lược nước ta gây hấn ở Nam Bộ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng kéo vào hòng thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta. HCM đã chèo lái con thuyền CMVN vượt qua thác ghềnh hiểm trở tới bờ bến thắng lợi

19-12-1946 HCM phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, Người đề ra đường lối vừa kháng chiến vừa kiến quốc, thực hiện kháng chiến thực dân trường kỳ tự lực cánh sinh.

1951 Trung ương Đảng và Chủ tịch HCM triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên Đảng Lao động VN.

1954 dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch HCM cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi.

Sau hiệp định Giơnevơ 1954, miền bắc hoàn toàn giải phóng nhưng nước nhà vẫn bị chia cắt bởi âm mưu gây chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Lúc này HCM cùng với Trung ương Đảng sớm xác định kẻ thù chính của nhân dân VN, Đề ra cho mỗi miền Nam, miền Bắc một nhiệm vụ chiến lược khác nhau. Xếp miền Bắc vào phong trào CM XHCN. Miền Nam vào phong trào cách mạng ĐTC nhân dân.

Kết luận

TTHCM hình thành trên cơ sở khoa học và cách mạng, có quá trình trưởng thành liên tục trong đấu tranh cách mạng chống kẻ thù, chống nhận thức chưa phù hợp giữa trong nước và quốc tế về CMVN. TTTHCM là sản phẩm tất yếu của CMVN trong thời đại mới, là nGọn cờ thắng lợi của dân tộc VN trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. TTTHCM là một chân lý, có ý nghĩa lớn trong những năm đầu TK XXI này.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.

a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- **Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc** Hồ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung. Xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc Việt Nam, đặc điểm của thời đại. Người dành sự quan tâm đến các thuộc địa, vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập Nhà nước dân tộc độc lập.

Hồ Chí Minh viết nhiều tác phẩm như : Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Vực thẳm thuộc địa. Công cuộc khai hóa giết người.... tố cáo chủ nghĩa thực dân, vạch trần cái gọi là "khai hóa văn minh" của chúng. Người viết : "Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng : Bác ái, Bình đẳng. V.V.". "Nếu lối hành hình theo kiểu Linxơ của những bọn người Mỹ hèn hạ đối với những người da đen là một hành động vô nhân đạo thì tôi không còn biết gọi việc những người Âu nhân danh đi khai hóa mà giết hàng loạt những người dân châu Phi là cái gì nữa"². Trong những bài có tiêu đề Đông Dương và nhiều bài khác. Người lên án mạnh mẽ chế độ cai trị hà khắc, sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Người chỉ rõ sự đối kháng giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc thực dân là mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa, đó là mâu thuẫn không thể điều hòa được.

Nếu như C.Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thì Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, C.Mác và V.I.Lênin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa, thì Hồ Chí Minh bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

Để giải phóng dân tộc. cần xác định một con đường phát triển của dân tộc, vì phương hướng phát triển dân tộc quy định những yêu cầu và nội dung trước mắt của cuộc đấu tranh giành độc lập. Mỗi phương hướng phát triển gắn liền với một hệ tư tưởng và một giai cấp nhất định.

Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha và lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Hoạch định con đường phát triển của dân tộc thuộc địa là một vấn đề hết sức mới mẻ. Từ một nước thuộc địa đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh viết : "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"^[1]. Con đường đó kết hợp cả nội dung dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội: xét về thực chất chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

"Đi tới xã hội cộng sản" là hướng phát triển lâu dài. Nó quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đoàn kết mọi lực lượng dân tộc tiến hành các cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến cho triệt để.

Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó cũng là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.

b) Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Cách tiếp cận từ quyền con người

Hồ Chí Minh hết sức trân trọng quyền con người. Người đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người được nêu trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của Cách mạng Pháp, như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Người khẳng định : "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được"^[2].

Nhưng từ quyền con người, Hồ Chí Minh đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"¹.

- Nội dung của độc lập dân tộc

Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn ; đây là tất cả những điều tôi hiểu

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết đã được các đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất long trọng thừa nhận, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây bản Yêu sách gồm tám điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, có tư tưởng cốt lõi là độc lập, tự do cho dân tộc.

Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, viết thư Kính cáo đồng bào, chỉ rõ : "trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy"^[3] Người chỉ đạo thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, ra báo Việt Nam độc lập, thảo Mười chính sách của Việt Minh, trong đó mục tiêu đầu tiên là: "Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền". Tháng 8-1945, Hồ Chí Minh đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân trong câu nói bất hủ : "Dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!".

Cách mạng Tháng Tám thành công. Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, long trọng và khẳng định trước toàn thế giới :

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố : "Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước".

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. Thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc. Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi vang dội núi sông : "Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả. Chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"^[4].

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh, ồ ạt đổ quân viễn chinh và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc với quy mô và cường độ ngày càng ác liệt. Hồ Chí Minh nêu cao chân lý lớn nhất của thời đại "Không có gì quý hơn độc lập tự do"^[5].

Độc lập dân tộc, cuối cùng, phải đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.

Độc lập tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, một tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là khẩu hiệu hành động của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nguồn cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Vì thế, Hồ Chí Minh không chỉ là Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam mà còn là "Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa thế kỷ XX".

c) Chủ nghĩa yêu nước chân chính - Một động lực lớn của đất nước.

Khi chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, các cường Quốc tư bản phương Tây ra sức tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa, thiết lập ách thống trị của chủ nghĩa thực dân với những chính sách tàn bạo.

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc thuộc địa càng nặng nề thì phản ứng của dân tộc bị áp bức càng quyết liệt. Không chỉ quần chúng lao động (công nhân và nông dân), mà cả các tầng lớp và giai cấp trên trong xã hội (tiểu tư sản, tư sản và địa chủ) đều phải chịu nỗi nhục của người dân mất nước, của một dân tộc mất độc lập, tự do.

Cùng với sự lên án chủ nghĩa thực dân và cổ vũ các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh, Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của tiềm năng dân tộc trong sự nghiệp giải phóng.

Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa. Đó là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi bất kỳ thế lực xâm ngoại nào.

Theo Hồ Chí Minh, "Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn dân cướp nước và bọn Việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới"^[1]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh,

chủ nghĩa yêu nước chân chính "là một bộ phận của tinh thần quốc tế", "khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn quốc tế phản động"².

Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước mà những người cộng sản phải nắm lấy phát huy.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp:

a) Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, những Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện : khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong quá trình Cách mạng Việt Nam ; chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng ; sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù ; thiết lập chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân ; gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

b) Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết ; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Khác với con đường cứu nước của ông cha, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa phong kiến (cuối thế kỷ XIX) hoặc chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XX), con đường cứu nước của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Năm 1920, ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Năm 1960, Người nói : "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"^[1].

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột ; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới đảm bảo cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người.

Hồ Chí Minh nói "Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"². Do đó, sau khi giành độc lập, phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. làm cho dân giàu nước mạnh, mọi người được sung sướng, tự do.

Người khẳng định : "Yêu tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"

c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. Vì thế, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

Tháng 5-1941. Người cùng với Trung ương Đảng khẳng định : "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"^[2].

d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

Là một chiến sĩ quốc tế chân chính. Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức.

Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia, đề ra khẩu hiệu: "giúp bạn là tự giúp mình" và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đúng như Ph.Ăngghen từng nói : Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

1. Mục tiêu của CM giải phóng dân tộc.

a) Tính chất và nhiệm vụ của CM ở thuộc địa:

- Nếu như mâu thuẫn chủ yếu ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, thì mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân.
- Do mâu thuẫn chủ yếu khác nhau, tính chất cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa cũng khác nhau, Nếu như ở các nước tư bản chủ nghĩa phải tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp thì ở các nước thuộc địa trước hết lại phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Đối tượng của CM ở thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng k phải là giai cấp địa chủ nói chung mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.
- Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc. Trong phong trào cộng sản quốc tế, có quan điểm cho rằng “vấn đề cơ bản của cách mạng thuộc địa là vấn đề nông dân”, và chủ trương nhấn mạnh vấn đề ruộng đất, nhấn mạnh đấu tranh giai cấp.
- Cùng với nông dân, tất cả các giai cấp và tầng lớp khác nhau đều có nguyện vọng chung là “cứu giống nòi” ra khỏi cảnh “nước sôi lửa bỏng”. Việc cứu nước là việc chung của cả dân tộc bị áp bức.
- Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của CM ở thuộc địa là giải phóng dân tộc.

b) Mục tiêu của CM giải phóng dân tộc.

- CMGPDT nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập và thiết lập chính quyền của nhân dân.
- Mục tiêu cấp thiết của CM ở thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng biệt của mỗi giai cấp, mà là quyền lợi chung của toàn dân tộc. Đó là những mục tiêu của chiến lược đấu tranh dân tộc, phù hợp với xu thế của thời đại CM chống ĐQ, thời đại giải phóng dân tộc, đáp ứng nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng nhân dân.

2. CMGPDT muốn thắng lợi phải đi theo con đường CM vô sản.

a) Rút ra bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó:

Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, sử dụng những vũ khí tư tưởng khác nhau.

Tất cả các phong trào yêu nước vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, mặc dù đã diễn ra vô cùng anh dũng, với tinh thần "người trước ngã, người sau đứng dậy", nhưng rốt cuộc đều bị thực dân Pháp dim trong hiên máu. Đất nước lâm vào "tình hình đen tối tưởng như

không có đường ra". Đó là tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Nó đặt ra yêu cầu bức thiết phải tìm một con đường cứu nước mới.

Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước đã bị biến thành thuộc địa, nhân dân phải chịu cảnh lầm than. Hồ Chí Minh được chứng kiến các phong trào cứu nước của ông cha. Người nhận thấy con đường của Phan Bội Châu chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau" : con đường của Phan Châu Trinh cũng chẳng khác gì "xin giặc rủ lòng thương" ; con đường của Hoàn Hoa Thám tuy có phần thực tế hơn nhưng vẫn mang nặng cốt cách phong kiến.

Chính vì thế, mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha, nhưng Hồ Chí Minh không tán thành các con đường của họ mà quyết tâm ra đi tìm một con đường mới

b) CM tư sản là k triệt để:

Trong khoảng 10 năm vượt qua các đại dương, đến với nhân loại cần lao đang tranh đấu ở nhiều châu lục và quốc gia trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc đã kết hợp tìm hiểu lý luận và khảo sát thực tiễn, nhất là ở ba nước tư bản phát triển : Anh, Pháp, Mỹ.

Người đọc Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, tìm hiểu thực tiễn cuộc cách mạng tư sản Mỹ ; đọc Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền của cách mạng Pháp, tìm hiểu cách mạng tư sản Pháp. Người nhận thấy : "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa" Bởi lẽ đó, Người không đi theo con đường cách mạng tư sản.

c) Con đường giải phóng dân tộc:

Hồ Chí Minh thấy được Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là một cuộc cách mạng vô sản, mà còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nó nêu tấm gương sáng về sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa và "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc".

Người "hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba" bởi vì V.I.Lênin và Quốc tế thứ ba đã "bênh vực cho các dân tộc bị áp bức". Người thấy trong lý luận của V.I.Lênin một phương hướng mới để giải phóng dân tộc : con đường cách mạng vô sản.

Trong bài Cuộc kháng chiến, Hồ Chí Minh viết : "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới".

Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin



và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản. Người khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".

3. CMGPDT trong thời đại mới phải do ĐCS lãnh đạo

a) CM trước hết phải có Đảng.

Muốn làm cách mệnh, "trước phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu". "Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh".

Trong tác phẩm Đường cách mệnh. Người khẳng định: "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy".

Đầu năm 1930. Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác Lênin "làm cốt", có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và mật thiết liên lạc với quần chúng.

b) ĐCS VN là ng lãnh đạo duy nhất.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam

Kết hợp lý luận Mác Lênin về Đảng Cộng sản với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin trên một loạt vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng nên một lý luận cách mạng giải phóng dân tộc. Lý luận đó không chỉ được truyền bá trong phong trào công nhân, mà cả trong phong trào yêu nước, giải quyết vấn đề đường lối cứu nước gắn liền với sự chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời một chính đảng cách mạng ở Việt Nam, sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, Người cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam là "Đảng của giai cấp vô sản"^[2], đồng thời là "Đảng của dân tộc Việt Nam"^[3]. "Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân".

4. Lực lượng của CMGPDT bao gồm toàn bộ dân tộc.

a) CM là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức.



Người khẳng định "cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người".

Trong Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng như hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ,

Hồ Chí Minh lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Quan điểm "lấy dân làm gốc" xuyên suốt quá trình chỉ đạo chiến tranh của Người. "Có dân là có tất cả", "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Khi còn hoạt động ở nước ngoài. Hồ Chí Minh nói: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập".

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là nhân tố then chốt bảo đảm thắng lợi. Người khẳng định: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi". "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được". "Chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc".

b) Lực lượng của CMGPDT

- CMGPDT là việc chung chứ k phải việc của 1,2 ng: => Cần phải đoàn kết toàn dân: sỹ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền, k phân biệt giai cấp, già trẻ, lương giáo,...

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Người xác định lực lượng, cách mạng bao gồm cả dân tộc: Đảng phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp: đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Trong lực lượng toàn dân tộc. Hồ Chí Minh hết sức nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân. Người phân tích: các giai cấp công nhân và nông dân có số lượng đông nhất, nên có sức mạnh lớn nhất. Họ lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên "lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết... công nông là tay không chân rời, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ,



Nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc". Từ đó Người khẳng định: công nông "là gốc cách mệnh". Khẳng định vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân là một vấn đề hết sức mới mẻ so với nhận thức của những nhà yêu nước trước đó.

Trong khi hết sức nhấn mạnh vai trò của công nhân và nông dân, Hồ Chí Minh không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai cấp và tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng. Người chỉ rõ: "... học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi".

5. CMGPDT cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trên CMVS ở chính quốc.

6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a) Cách tiếp cận:

- HCM đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin về CNXH trong điều kiện cụ thể của nước ta.
- HCM tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ lập trường của 1 người yêu nước với khát vọng giải phóng dân tộc.
- HCM tiếp cận từ phương diện đạo đức: Người cho rằng chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa cá nhân; tôn trọng con người, tạo điều kiện cho con người phát triển, hoàn thiện, đề cao lợi ích xã hội.
- Phương diện kinh tế: Người nhận thức được sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, đây là cơ sở để xác lập 1 hệ thống kinh tế mới, với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật,.
- truyền thống văn hóa VN: tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết đã có hàng ngàn năm,...

b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh bày tỏ quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ trong một bài viết hay trong một cuộc nói chuyện nào đó mà tùy từng lúc, từng nơi, tùy từng đối tượng người đọc, người nghe mà Người diễn đạt quan niệm của mình, vẫn là theo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, nhưng với cách diễn đạt ngôn ngữ nói và viết của Hồ Chí Minh thì những vấn đề đầy chất lý luận chính trị phong phú, phức tạp được biểu đạt bằng ngôn ngữ của cuộc sống, của nhân dân Việt Nam, rất mộc mạc, dung dị, dễ hiểu.

- Hồ Chí Minh có quan niệm tổng quát khi coi chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội bao gồm các mặt rất phong phú, hoàn chỉnh, trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do. Trong một xã hội như thế, mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên một số mặt nào đó của nó như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... với cách diễn đạt như thế của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội thì chúng ta không nên tuyệt đối hóa từng mặt. hoặc tách riêng rẽ từng mặt của nó, mà cần đặt trong một tổng thể chung. Chẳng hạn, khi nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp II, cấp III và Hội nghị sư phạm vào tháng 7-1956, Hồ Chí Minh cho rằng: "Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con". Khi nhấn mạnh mặt kinh tế, Hồ Chí Minh nêu chế độ sở hữu công cộng của chủ nghĩa xã hội và phản phối theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin là làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có phúc lợi xã hội, về mặt chính trị, Hồ Chí Minh nêu chế độ dân chủ, mọi người được phát triển toàn diện với tinh thần làm chủ.

- Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở nước ta bằng cách nhấn mạnh đó là một xã hội vì lợi ích của Tổ quốc, Của nhân dân, là "làm sao cho dân giàu nước mạnh"^[1], là "làm sao cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng", "là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân"^[2], làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, được sung sướng, tự do, là "nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"^[3] như "ham muốn tốt bậc" mà Người đã trả lời các nhà báo vào tháng 1 - 1946.

- Hồ Chí Minh nêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong ý thức, động lực của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam Xây dựng một xã hội như thế là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, động lực của toàn dân tộc. Cho nên, với động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sức mạnh tổng hợp được sử dụng và phát huy, đó là sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, cũng trên cơ sở của lý luận Mác - Lênin, nghĩa là trên những mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, về cụ thể chúng ta thấy Hồ Chí Minh nhấn mạnh chủ yếu trên những điểm sau đây:

+ Đó là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân



và vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Mọi quyền lực trong xã hội đều tập trung trong tay nhân dân. Nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất để làm chủ nước nhà. Nhân dân là người quyết định vận mệnh cũng như sự phát triển của đất nước dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh coi nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật. Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất luôn luôn phát triển với nền tảng phát triển khoa học - kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học kỹ thuật của nhân loại.

+ Chủ nghĩa xã hội là chế độ không còn người bóc lột người. Chủ nghĩa xã hội được hiểu như là một chế độ hoàn chỉnh, đạt đến độ chín muồi. Trong chủ nghĩa xã hội không còn bóc lột, áp bức, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đó là một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

+ Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức.

Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay, trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

Các đặc trưng nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là hiện thân đỉnh cao của tiến trình tiến hóa lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự tổng hợp quyện chặt ngay trong cấu trúc nội tại của nó, một hệ thống giá trị làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội, đó là độc lập, tự do, bình đẳng, dân chủ, công bằng, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị..., trong đó có những giá trị tạo tiền đề, có giá trị hạt nhân. Tất cả những giá trị cơ bản này là mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội. Một khi tất cả các giá trị đó đã đạt được thì loài người sẽ vươn tới lý tưởng cao nhất của chủ nghĩa xã hội: đó là "liên hợp tự do của những người lao động" mà C.Mác.

Ph.Ăngghen đã dự báo. Ở đó cá tính của con người được phát triển đầy đủ, năng lực con người được phát huy cao nhất, giá trị con người được thực hiện toàn diện. Nhưng theo Hồ Chí Minh, đó là một quá trình phấn đấu khó khăn, gian khổ, lâu dài, dần dần và không thể nôn nóng

7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a) Mục Tiêu

Hồ Chí Minh ý thức được rõ ràng giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điềm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của Hồ Chí Minh là đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau ở nước ta. Thông qua quá trình đề ra các mục tiêu đó, Chủ nghĩa xã hội được thể hiện với việc thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích thiết yếu của người lao động theo các nấc thang từ thấp đến cao, tạo ra tính hấp dẫn, năng động của chế độ xã hội mới.

Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một, đó là độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Từ cách đặt vấn đề này, theo Hồ Chí Minh, hiểu mục tiêu của chủ nghĩa xã hội nghĩa là nắm bắt nội dung cốt lõi con đường lựa chọn và bản chất thực tế xã hội mà chúng ta phấn đấu xây dựng. Tiếp cận chủ nghĩa xã hội về phương diện mục tiêu là một nét thường gặp, thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Có khi Người trả lời một cách trực tiếp: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động". Hoặc "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân". Có khi Người diễn giải mục tiêu tổng quát này thành các tiêu chí cụ thể: "chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"³. Có khi người nói một cách gián tiếp, không nhắc đến chủ nghĩa xã hội, nhưng xét về bản chất, đó cũng chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của Người. Kết thúc bản Tài liệu tuyệt đối bí mật (sau này gọi là Di Chúc), Hồ Chí Minh viết: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta

đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân. Theo Người, muốn nâng cao đời sống nhân dân phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu nâng cao đời sống toàn dân là tiêu chí tổng quát để khẳng định và kiểm nghiệm tính chất xã hội chủ nghĩa của các lý luận chủ nghĩa xã hội và chính sách thực tiễn. Trượt ra khỏi quỹ đạo đó thì hoặc là chủ nghĩa xã hội giả hiệu hoặc không có gì tương thích với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ rõ và nêu bật mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra nhiệm vụ giải phóng con người một cách toàn diện, theo các cấp độ: từ giải phóng dân tộc. Giải phóng giai cấp xã hội đến giải phóng từng cá nhân con người, hình thành các nhân cách phát triển tự do.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã xác định các mục tiêu cụ thể của chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Mục tiêu chính trị: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, độ chính trị phải do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân: mặt khác, tại yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng, củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ chức năng của chúng.

- Mục tiêu kinh tế: Theo Hồ Chí Minh, chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội chỉ được bảo đảm và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh. Nền kinh tế đó là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành, trong đó những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà".

Kết hợp các loại lợi ích kinh tế là vấn đề được Hồ Chí Minh rất quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh: chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

- Mục tiêu văn hóa - xã hội: Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng phát triển giáo dục, nâng cao dân trí xây dựng, phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu.

Về bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người khẳng định: "phải xã hội chủ nghĩa về nội dung". Để có một nền văn hóa như thế ta phải phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới.

Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chí Minh nhắc nhở phải làm cho phong trào văn hóa có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. Trong khi đáp ứng mặt giải trí thì không được xem nhẹ nâng cao tri thức của quần chúng, đồng thời Người luôn luôn nhắc nhở phải làm cho văn hóa gắn liền với lao động sản xuất.

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người. Trong lý luận xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết mặt tư tưởng. Người cho rằng: Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng: đồng thời Người cũng rất quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã hội. Tuy vậy, Hồ Chí Minh luôn gắn tài năng với đạo đức. Theo Người. "có tài mà không có đức là hỏng": dĩ nhiên, đức phải đi đôi với tài, nếu không có tài thì không thể làm việc được. Như vậy, Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó "chính trị là tinh thần, chuyên môn là thể xác" Hai mặt đó gắn bó thống nhất trong một con người. Do vậy, tất cả mọi người đều phải luôn luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đức vừa có tài, vừa "hồng" vừa "chuyên".

b) Động lực

Để thực hiện những mục tiêu đó, cần phát hiện những động lực và những điều kiện bảo đảm cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, những động lực đó biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh. Người khẳng định, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ: đồng thời chăm lo bồi dưỡng sức dân. Đó là lợi ích của nhân dân và từng cá nhân.

Xem con người là động lực của chủ nghĩa xã hội, hơn nữa là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng). Người cho rằng, không có chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân - đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Người đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ. công chức các cấp từ trung ương tới địa phương.

Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đã là hạt nhân trong hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

Ngoài các động lực bên trong theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế-của giai cấp công nhân, phải sử dụng tới những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới

Nét độc đáo trong phong cách tư duy biện chứng Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội. Người còn lưu ý cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn đó là chủ nghĩa cá nhân và Người coi nó là "bệnh mẹ" đẻ ra hàng loạt bệnh khác, đó là tham ô, lãng phí, quan liêu... mà Người gọi đó là : "giặc nội xâm"; đó là các căn bệnh chia rẽ bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật, chủ quan, bảo thủ, giáo điều, V.V..

Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rất rõ nội lực là quyết định nhất. ngoại lực là rất quan trọng, Chính vì thế Người thường đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh là chính, nhưng luôn luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế tạo thành sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, chung sống hòa bình và phát triển.

8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự ra đời, vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

1. Sự ra đời:

Khi đề cập các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và của phong trào công nhân châu Âu. V.I.Lênin nêu lên hai yếu tố, đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Khi đề cập sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, bên cạnh hai yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân. Hồ Chí Minh còn kể đến yếu tố thứ ba đó là phong trào yêu nước. Trong bài *Thường thức chính trị* viết năm 1953. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh viết bài "*Ba mươi năm hoạt động của Đảng*", trong đó nói rõ: chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập đảng cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930. Đây chính là một quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam.

Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam và đối với quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng đánh giá

cao vị trí, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng, số lượng giai cấp công nhân Việt Nam tuy ít nhưng theo Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của lực lượng cách mạng không phải do số lượng của lực lượng đó quyết định. Hồ Chí Minh chỉ rõ đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Giai cấp tiên tiến nhất trong sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc để gây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, sở dĩ giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam còn là vì: giai cấp công nhân có chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên nền tảng đấu tranh, họ xây dựng nên Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng đề ra chủ trương, đường lối, khẩu hiệu cách mạng, lôi cuốn giai cấp nông dân và tiểu tư sản vào đấu tranh, bồi dưỡng họ thành những phần tử tiên tiến.

Hồ Chí Minh- nêu thêm yếu tố phong trào yêu nước, coi nó là một trong ba yếu tố kết hợp dẫn đến việc hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam vì những lý do sau đây:

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Chỉ tính riêng trong hơn 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ, phong trào yêu nước của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ như những lớp sóng cồn nối tiếp nhau. Phong trào yêu nước liên tục và bền bỉ trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã kết thành chủ nghĩa yêu nước và nó đã trở thành giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam.

Hai là phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung. Khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và có phong trào đấu tranh, lúc đầu là đấu tranh kinh tế, và sau này là đấu tranh chính trị, thì phong trào công nhân kết hợp được ngay từ đầu và kết hợp liên tục với phong trào yêu nước. Cơ sở của sự kết hợp giữa hai phong trào này là do xã hội nước ta tồn tại mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai. Vì vậy giữa hai phong trào đều có một mục tiêu chung, yêu cầu chung giải phóng dân tộc làm cho Việt Nam được hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Hơn nữa chính bản thân phong trào công nhân, xét về nghĩa nào đó lại mang tính chất của phong trào yêu nước,

vì phong trào đấu tranh của công nhân không những chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức dân tộc.

Ba là phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải kể đến phong trào nông dân. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm tới khoảng hơn 90% dân số. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Ở Việt Nam, do điều kiện lịch sử chi phối, không có công nhân nhiều mà họ xuất thân trực tiếp từ người nông dân nghèo. Do đó giữa phong trào công nhân và phong trào yêu nước có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào yêu nước Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX ghi dấu ấn đậm nét bởi vai trò của trí thức, tuy số lượng không nhiều nhưng lại là những "ngòi nổ" cho các phong trào yêu nước bùng lên chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai, cũng như thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước. Trong lịch sử Việt Nam một trong những nét nổi bật nhất là sự bùng phát của các tổ chức yêu nước mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức. Với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi, căm giận bọn cướp nước và bọn bán nước, họ rất nhạy cảm với thời cuộc, do vậy, họ chủ động và có cơ hội đón nhận những "luồng gió mới" về tư tưởng của tất cả các trào lưu trên thế giới dội vào Việt Nam.

2. Vai trò của ĐCS

Sức mạnh to lớn của nhân dân chỉ phát huy khi được tập hợp đoàn kết và được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị là Đảng Cộng sản Việt Nam. ĐCS là nhân tố quyết định hàng đầu đưa CMVN đến thắng lợi. Hồ Chí Minh khẳng định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi" giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được. Trong cuốn sách Đường cách mệnh xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh viết: "Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1]. Hồ Chí Minh cho rằng: "Muốn khởi đi lạc



phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng.

Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh Muốn thắng lợi thì quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ; chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức về giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đuổi kẻ địch, tranh lấy chính quyền.

Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo".

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, vì Đảng không có mục đích tự thân, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Đảng không có lợi ích nào khác.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đều xuyên tạc thực tế lịch sử cách mạng dân tộc ta, trái với mặt lý luận lẫn thực tiễn, đều đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

3. Bản chất:

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân.

Quan điểm của Hồ Chí Minh hoàn toàn tuân thủ những quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Nhưng Hồ Chí Minh còn có một cách thể hiện khác về vấn đề "đảng của ai". Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, (tháng 2-1951). Hồ Chí Minh nêu rõ: "Trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam". Năm 1953. Hồ Chí Minh viết: "Đảng lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc. Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân". Năm 1957. Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc. Trong thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 1961 Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: Đảng ta là đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của

dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Năm 1965, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Tuy có nhiều cách thể hiện khác nhau như vậy nhưng quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân. Điều này cũng giống như Đảng ta mang tên là Đảng lao động nhưng bản chất giai cấp của Đảng chỉ là bản chất giai cấp công nhân. Trong Báo cáo chính trị tại đại hội II, khi nêu lên Đảng ta còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh cùng nêu lên toàn bộ cơ sở lý luận và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, những nguyên tắc này tuân thủ một cách chặt chẽ học thuyết về Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản V.I.Lênin.

Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Còn các giai cấp tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân. Nội quy quy định bản chất giai cấp công nhân không phải chỉ là số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà còn ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; mục tiêu của Đảng cần đạt tới là chủ nghĩa cộng sản: Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Hồ Chí Minh phê phán những quan điểm không đúng như không đánh giá đúng vai trò to lớn của giai cấp công nhân, cũng như quan điểm sai trái chỉ chú trọng công nông mà không thấy rõ vai trò to lớn của các giai cấp, tầng lớp khác.

Quan niệm Đảng: không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc cho nên nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình. Trong thành phần, ngoài công nhân còn có những người ưu tú thuộc giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác. Đảng ta cũng đã khẳng định rằng, để bảo đảm và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong tất cả các thời kỳ của cách mạng. Trong quá trình rèn luyện Đảng, Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Sức

manh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp công nhân mà còn bắt nguồn từ các tầng lớp nhân dân lao động khác.

4. Quan niệm về Đảng cầm quyền

a) Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền.

Qua những năm tháng hoạt động thực tiễn, tìm tòi học hỏi nghiên cứu lý luận, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cách mạng ở chủ nghĩa Mác - Lênin và quyết định đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Khi sắp trở thành đảng viên, đồng thời cũng là một trong những người sáng lập đảng cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh - người cộng sản đầu tiên của Việt Nam — đã sớm xác định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Từ lý tưởng cao cả ấy. Hồ Chí Minh thấy cần phải có một đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng, thực hiện mục tiêu nói trên. Chính vì vậy, từ những năm 1920 trở đi. Người tích cực chuẩn bị cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng. Tới năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu một trang mới trong lịch sử dân tộc ta.

Trong Đường cách mệnh. Hồ Chí Minh đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của đảng cách mạng - nhân tố đầu tiên, quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Thấu hiểu bài học lịch sử về sức mạnh quần chúng, lại được soi rọi dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin người chỉ rõ: công nông là gốc cách mạng, nhưng "trước phải làm cho dân giác ngộ". Dân phải được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, mới là chủ, là gốc cách mạng được. Nếu dân không được tổ chức thì như đũa "mỗi nơi một chiếc". Để Đảng vững được "phải có chủ nghĩa làm cốt". Thành lập Đảng là để mọi thành viên trong Đảng đó thống nhất về tư tưởng, từ đó thống nhất trong hành động. Người đã nghiên cứu nhiều học thuyết trên thế giới, tìm tòi, suy ngẫm, lựa chọn và khẳng định: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin". Tóm lại Hồ Chí Minh nhất quán cho rằng: cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo con đường chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cách mạng chân chính, mang bản chất của giai cấp công nhân. Đảng không bao giờ "hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho giai cấp khác". Đảng dìu dắt giai cấp vô sản, lãnh đạo giai cấp vô sản, lãnh đạo cách mạng Việt Nam là để đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho toàn thể

dân tộc Đảng không phải là một tổ chức tự thân và vì vậy, mục đích, tôn chỉ của đảng là "tận tâm", "tận lực", "phụng sự" và "trung thành" với lợi ích của dân tộc Việt Nam.

Chỉ có một Đảng như thế mới có thể đem lại độc lập cho dân tộc. tự do, hạnh phúc cho nhân dân, phồn vinh cho đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ. Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền.

b) Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền.

"Đảng cầm quyền" là khái niệm đảng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp mình. Khái niệm "Đảng cầm quyền" đã từng được dùng phổ biến tại các nước tư bản chủ nghĩa. Ở các nước này nếu một chính đảng có đại biểu giành được đa số phiếu tại các cuộc bầu cử trong quốc hội thì đảng đó trở thành đảng cầm quyền.

Về mặt thuật ngữ trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh có thể bắt gặp các khái niệm cũng chỉ một hiện tượng Đảng lãnh đạo xã hội sau khi giành được chính quyền nhà nước: "Đảng nắm quyền", "Đảng lãnh đạo chính quyền". "Đảng cầm quyền" Trong đó thuật ngữ "Đảng cầm quyền" phản ánh rõ nhất, chính xác nhất vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cụm từ "Đảng cầm quyền" được Hồ Chí Minh ghi trong bản Di chúc của người năm 1969. Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính trong các cuộc đấu tranh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là lật đổ chính quyền bệ lũ thực dân và phong kiến, thiết lập chính quyền nhân dân. Phương thức lãnh đạo, công tác chủ yếu của Đảng là giáo dục, thuyết phục, vận động tổ chức quần chúng, đưa quần chúng vào đấu tranh giành chính quyền.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản chất của Đảng không thay đổi. Khi có chính quyền trong tay, một vấn đề mới cực kỳ to lớn, cũng là thử thách hết sức nặng nề của Đảng là người đảng viên cộng sản không được lãng quên nhiệm vụ, mục đích của mình, phải

toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân: trên thực tế, đã có một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất trở thành "quan cách mạng". Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Độc lập - Tự do — Hạnh phúc" là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là điểm xuất phát để xây dựng Đảng ta xứng đáng với danh hiệu "Đảng cầm quyền".

Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền.

Theo Hồ Chí Minh. Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ: "Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới"¹. Khi trở thành Đảng cầm quyền, mục đích, lý tưởng đó không những không thay đổi mà còn có thêm những điều kiện và sức mạnh nhằm hiện thực hóa mục đích, lý tưởng ấy.

Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Quan điểm này của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là sự vận dụng, phát triển hết sức sáng tạo lý luận Mác - Lênin về đảng vô sản kiểu mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam "là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Xác định "người lãnh đạo" là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn bộ xã hội và khi có chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước. Đối tượng lãnh đạo của Đảng là toàn thể quần chúng nhân dân trong toàn dân tộc, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân mà trước hết là quần chúng nhân dân lao động. Nhưng muốn lãnh đạo được nhân dân lao động, trước hết Đảng phải có tư cách, phẩm chất, năng lực cần thiết. Vì "Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức và "chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo":.

"Là người lãnh đạo", theo Hồ Chí Minh, bằng giáo dục, thuyết phục, Đảng phải làm cho dân tin, dân phục để dân theo. Đảng lãnh đạo nhưng quyền hành và lực lượng đầu ở nơi dân, cho nên Đảng "Phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép nhân dân"¹, mà phải giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ dân chúng để thức tỉnh họ. Đồng thời, Đảng phải tổ chức, đoàn kết họ lại thành một khối thống nhất, bày cách cho dân và hướng dẫn họ hành động. Vì vậy, chức năng lãnh đạo và sự lãnh đạo

của Đảng phải bảo đảm trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phải quan tâm chăm lo đến đời sống nhân dân từ việc nhỏ đến việc lớn: "Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hóa tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân".

Là người lãnh đạo, Đảng phải sâu sát, gần bó mật thiết với nhân dân. Lắng nghe ý kiến của dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân và phải chịu sự kiểm soát của nhân dân, bởi "sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng". Đảng phải thực hành triệt để dân chủ mà trước hết dân chủ trong nội bộ Đảng, để phát huy được mọi khả năng trí tuệ sáng tạo, của quần chúng; lãnh đạo nhưng phải chống bao biện, làm thay, phải thông qua chính quyền nhà nước "của dân, do dân và vì dân" để Đảng thực hiện quyền lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội. Do đó, Đảng phải lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện, mà trong đó và trước hết là lãnh đạo xây dựng luật pháp để quản lý, điều hành xã hội; đồng thời Đảng phải thường xuyên coi trọng công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức hoạt động trong bộ máy nhà nước, luôn bảo đảm cho Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự là Nhà nước "của dân, do dân và vì dân". Với tư cách người lãnh đạo, Hồ Chí Minh còn đề cập một cách sâu sắc đến việc Đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên, cán bộ của Đảng

Là người lãnh đạo, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng cũng có nghĩa bao hàm cả trách nhiệm "là người đầy tớ" của dân. Song "đầy tớ" ở đây không có nghĩa là "tôi tớ, tôi đòi hay theo đuổi quần chúng" mà là tận tâm, tận lực phụng-sự nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân. Người nhấn mạnh: "Đã phụng sự nhân dân, thì phải phụng sự cho ra trò. Nghĩa là việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh". Người sử dụng cụm từ "đầy tớ trung thành" là để nhắc nhở và chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong mọi hoạt động của mình đều phải quan tâm thực sự đến lợi ích của nhân dân: "Khổ trước thiên hạ và vui sau thiên hạ", tận tụy với công việc, gương mẫu trước nhân dân, phải thường xuyên "tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt". Phải làm cho dân tin, dân phục để dân hết lòng ủng hộ, giúp đỡ. Mỗi cán bộ, đảng viên "đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân. chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật" .

Mặt khác, ý nghĩa cụm từ "đầy tớ trung thành của nhân dân", theo tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi; thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng: "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư". Không chỉ nắm vững và thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, mà còn phải biết tuyên truyền, vận động lòng quần chúng đi theo Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng.

Như vậy, "là người lãnh đạo", "là người đầy tớ" tuy là hai khái niệm nhưng đều được Hồ Chí Minh sử dụng và chỉ ra sự gắn bó thống nhất. quan hệ biện chứng giữa hai khái niệm đó với nhau. Dù là "người lãnh đạo" hay "người đầy tớ", theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đều cùng chung một mục đích: vì dân. Làm tốt chức năng "lãnh đạo" và làm tròn nhiệm vụ "đầy tớ" cho nhân dân là cơ sở vững chắc nhất bảo đảm uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng không những được ăn sâu, bám chắc trong lòng giai cấp công nhân, mà còn trong cả tầng lớp quần chúng nhân dân lao động và trong toàn thể dân tộc Việt Nam.

Đảng cầm quyền, dân là chủ:

Vấn đề cơ bản nhất của một cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Tuy nhiên, theo C.Mác, đó là cánh cửa vào xã hội mới chứ chưa phải là xã hội mới. Vì vậy, vấn đề quan trọng là chính quyền thuộc về ai. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu kinh nghiệm, lý luận của các cuộc cách mạng trên thế giới và kết luận: "Cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người". Như vậy theo Hồ Chí Minh, quyền lực phải thuộc về nhân dân. Người đã đề cập xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, Đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới, một khi xa rời nguyên tắc này. Đảng sẽ trở thành đối lập với nhân dân. Dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy "dân làm gốc".

Mặt khác, dân muốn làm chủ thực sự thì phải theo Đảng. Mỗi người dân phải biết lợi ích và bổn phận của mình tham gia vào xây dựng chính quyền.

Với tư tưởng nhân văn cao cả về mối quan hệ biện chứng giữa Đảng với dân. Hồ Chí Minh luôn suy tư, trăn trở để tìm giải pháp hữu hiệu nhằm thực hiện nguyên tắc dân là chủ, dân là gốc. Theo Người, cơ chế ấy chỉ có thể trở thành hiện thực, không bị vi phạm khi cán bộ, đảng viên khi còn là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.



Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh phải bảo đảm nhiều yếu tố, trong đó những nội dung thuộc về các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Bởi vì, sức mạnh của một đảng cách mạng, đảng chân chính theo học thuyết đảng kiểu mới của Lênin bắt nguồn từ các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Đảng không giữ vững nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt thì chỉ như là một câu lạc bộ.

Trước hết phải nhận thức đầy đủ, đúng đắn rằng Đảng Cộng sản Việt Nam là một hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trung ương xuống cơ sở. Đảng là tổ chức tiên phong đấu tranh của giai cấp công nhân, có tính kỷ luật cao. Hệ thống tổ chức của Đảng coi chi bộ là tổ chức hạt nhân quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên. Chi bộ là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Chi bộ tốt thì Đảng mạnh, chi bộ kém thì Đảng yếu.

Một trong những yếu tố quyết định sức mạnh của chi bộ là các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản trong xây dựng Đảng. Nguyên tắc này thể hiện sự thống nhất hữu cơ, biện chứng giữa “tập trung” và “dân chủ”. Mặt này là điều kiện của mặt kia và ngược lại, về mối quan hệ giữa “tập trung” và “dân chủ” được Hồ Chí Minh khẳng định: tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung, là cơ sở của tập trung. Nếu không có sự gắn bó và thống nhất với nhau thì sẽ dẫn tới độc đoán chuyên quyền và tự do vô tổ chức, vô kỷ luật. Tuy nhiên, “tập trung” và “dân chủ” có nội dung cụ thể.

“Tập trung” là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng. Từ đó làm cho Đảng ta “tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người”.

Còn dân chủ theo Hồ Chí Minh, là của quý báu nhất của nhân dân là thành quả của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dân chủ được thể hiện tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề mọi người được quyền tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ, vì nếu không có dân chủ nội bộ thì sẽ làm cho “nội bộ của Đảng âm u”. Hơn nữa dân chủ trong Đảng mới có thể nói dân chủ trong xã hội, mới định hướng cho việc xây dựng một chế độ dân chủ thật sự.



Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là nguyên tắc lãnh đạo hay chế độ lãnh đạo của Đảng. Nguyên tắc này cũng có hai mặt gắn bó mật thiết với nhau, gần với nguyên tắc tập trung dân chủ vì tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung. Trong lãnh đạo phải tập thể vì nhiều người thì nhiều kinh nghiệm, còn một người, dù tài giỏi đến mấy cũng không thể xem xét tất cả mọi mặt của vấn đề. Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất giản đơn chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu: "Khôn bầy hơn khôn độc" là nghĩa đó.

Cá nhân phụ trách là trên cơ sở bàn bạc kỹ lưỡng của tập thể, công việc mới chạy, kế hoạch định rõ ràng rồi thì giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách. Không có cá nhân phụ trách thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế.

Trong khi thực hiện nguyên tắc phải chống lại căn bệnh độc đoán chuyên quyền và dựa dẫm vào tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm. Hồ Chí Minh nêu rõ: "Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc. Tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau".

Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, là quy luật phát triển của Đảng. Ý nghĩa của nguyên tắc này ở chỗ Đảng cũng từ trong xã hội mà ra nên có những căn bệnh trong xã hội lây ngấm vào Đảng. Cá nhân đảng viên, cán bộ cũng là con người, cũng có cái tốt, cái xấu, thiện, ác trong lòng. Con người ta không phải là thánh thần, ai cũng có khuyết điểm cả. Vì vậy tự phê bình và phê bình giống như việc rửa mặt hàng ngày, làm cho phần tốt trong mỗi con người này nở như hoa mùa xuân, phần xấu mất dần đi. Cán bộ, đảng viên có khuyết điểm giống như người có bệnh Vì vậy phải uống thuốc. Tự phê bình là thuốc đắng nhưng giã tật. Ngược lại nếu không tự phê bình thì như người có bệnh mà không uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó. rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính".

Tự phê bình và phê bình nhằm làm cho Đảng vững mạnh, cán bộ, đảng viên tiến bộ, để chữa các bệnh trong Đảng. Đó cũng là một trong những cách tốt nhất để thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, giữ vững và củng cố uy tín của Đảng.

Tuy nhiên, một điều rất quan trọng là cách thức tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh thường dặn phải thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình trên cơ sở tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Trong phê bình và tự phê bình phải thật thà, thẳng thắn, không nể nang, không giấu giếm, không thêm bớt khuyết điểm. Phê bình và tự phê bình là vấn đề khoa học và là nghệ thuật. Vấn đề không phải chỉ luôn luôn dùng mà còn phải khéo dùng cách phê bình và tự phê bình. Cán bộ chủ chốt, lãnh đạo càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Phải tuyệt đối chống các biểu hiện không đúng trong phê bình và tự phê bình như: thiếu trung thực, che giấu khuyết điểm của bản thân, sợ phê bình, không dám phê bình, nể nang, né tránh, "dĩ hòa vi quý", hoặc ngược lại, lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, vu khống, đả kích người khác.

Kỷ luật nghiêm minh. Tự giác là một nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng kiểu mới của Lenin. Sức mạnh của Đảng một phần lớn là ở kỷ luật của tổ chức. Kỷ luật của Đảng thể hiện ở chỗ chấp hành kỷ luật, điều lệ của Đảng; mọi đảng viên đều bình đẳng trước Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng phải được thực hiện từ Trung ương đến các chi bộ. Phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Để đoàn kết có sức mạnh thật sự phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lenin và đường lối, quan điểm của Đảng; phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, sống với nhau có tình có nghĩa.

10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc.

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược. Nó là tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh với kẻ thù dân tộc, giai cấp.

- Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp cho phù hợp với những đối tượng khác nhau.



- Nhờ tư tưởng nhất quán và chính sách mặt trận đúng đắn, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn.

- Hồ Chí Minh cũng nêu ra những luận điểm có tính chân lý, không chỉ với cách mạng Việt Nam mà với cả thế giới: “Đoàn kết làm ra sức mạnh”; “đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”; “đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”; “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”.

Trong bài nói chuyện tại Đại hội đại biểu Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam lần thứ II (25/4/1961) Hồ Chí Minh đã khẳng định một chân lý:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

b) Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu của Đảng, của dân tộc

- Đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng.

+ Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam(3/3/1951) Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng, tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ: “Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”.

+ Người thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm của quần chúng, gần gũi quần chúng, tổ chức, giáo dục quần chúng...

- Đại đoàn kết là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, đồng thời cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng.

+ Cách mạng muốn thành công, Đảng phải cụ thể hoá những chính sách, đường lối đúng thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp để tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc.

+ Năm 1963, khi nói chuyện với các cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “...Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”.

- Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu của dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự nghiệp của quần chúng và do quần chúng, vì quần chúng. Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh



thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

11. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung của đại đoàn kết dân tộc.

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm “dân”, “nhân dân” có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con rồng cháu tiên”, không phân biệt “già trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”. Như vậy, “dân”, “nhân dân” vừa chỉ một tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mọi con người Việt Nam cụ thể, và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc.

- Nói đến đoàn kết dân tộc, cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Theo ý nghĩa đó, nội hàm khái niệm đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, bao gồm nhiều tầng nấc các quan hệ liên kết qua lại giữa các thành viên, các bộ phận, lực lượng xã hội của dân tộc từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài.

- Người còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc.

b) Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; đồng thời, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào dân, tin vào con người

- Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai địch hoạ, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

- Phải có lòng khoan dung độ lượng với con người.

+ Lòng khoan dung, độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối và phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc, từ chính mục tiêu cách mạng mà người suốt đời theo đuổi.

+ Người tha thiết kêu gọi tất cả những ai có lòng yêu nước, không phân biệt tầng lớp, tín ngưỡng chính kiến và trước đây đã từng đứng về phe nào, hãy cùng nhau đoàn kết vì nước, vì dân.

Xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. từ hoàn cảnh một nước Việt Nam thuộc địa muốn thực hiện được đoàn kết rộng rãi phải có lòng khoan dung độ lượng, xóa bỏ mọi thành kiến theo tinh thần “Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta”. Đã là con người thì có tốt có xấu, có thiện có ác trong lòng. Đặt lợi ích của cách mạng trên hết, trân trọng phần thiện trong mỗi người dù nhỏ nhất. Cũng như “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ”¹. Trong hoàn cảnh nước thuộc địa, tránh quan điểm giai cấp đơn thuần, nói vô sản một cách cứng nhắc theo kiểu “nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”^[1]. Muốn đoàn kết phải khơi lòng yêu nước, trở về cội nguồn “đồng bào”, căm thù đế quốc, khát vọng độc lập dân tộc của mọi người. Đó là những điểm tương đồng, mẫu số chung của con người Việt Nam Trên cơ sở nhận thức có ý nghĩa nhân văn và cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết”. Người tuyên bố: “bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ thì dù người đó trước đây chống chúng ta bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”.

- Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Theo Người, DÂN là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là nền, gốc và chủ thể của Mặt trận.

12. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức của đại đoàn kết dân tộc.

a) Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không thể chỉ dừng lại ở quan niệm, ở những lời kêu gọi, những lời hiệu triệu mà phải trở thành một chiến lược cách mạng, phải trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân tộc. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó chính là mặt trận dân tộc thống nhất.

Toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh vô địch trong đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không được như vậy, thì quần chúng nhân dân dù có đông tới hàng triệu, hàng trăm triệu con người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh.

Thất bại của các tổ chức yêu nước và giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước khi Đảng ta ra đời đã chứng minh rất rõ điều này.

về một phương diện nào đó, có thể khẳng định rằng, quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là quá trình tìm kiếm mô hình và cách thức tổ chức quần chúng nhân dân, nhằm tạo sức mạnh cho quần chúng trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và giải phóng xã hội. Chính vì vậy, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, từng ngành nghề, từng giới, từng lứa tuổi, từng tôn giáo, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng. Đó có thể là các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... Trong đó, bao trùm nhất là mặt trận dân tộc thống nhất.

Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, nơi tập hợp mọi con dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào, nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam, đều được coi là thành viên của mặt trận.

Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của mặt trận dân tộc thống nhất theo đó, cũng có thể khác nhau:

Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam (1955.1976). Song thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, nơi quy tụ, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

b) Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mặt trận dân tộc thống nhất là thực thể của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, nơi quy tụ mọi con dân nước Việt. Song, đó không phải là một tập hợp lỏng lẻo, ngẫu nhiên, tự phát của quần chúng nhân dân, mà là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh công-nông-trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, nó hoàn toàn khác với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam trong lịch sử. Trên thực tế và theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là tình cảm của "người chung một nước phải thương nhau cùng" nữa., mà đã được xây dựng trên một cơ sở lý luận vững chắc.

Hồ Chí Minh viết: "Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất"¹. Người chỉ rõ rằng, sở dĩ phải lấy liên minh công - nông làm nền tảng "Vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác". Người căn dặn, trong khi nhấn mạnh vai trò nòng cốt của liên minh công nông, cần chống lại khuynh hướng chỉ coi trọng củng cố khối liên minh công nông mà không thấy vai trò và sự cần thiết phải mở rộng đoàn kết với các tầng lớp khác, nhất là tầng lớp trí thức. Làm cách mạng phải có trí thức và tầng lớp trí thức rất quan trọng đối với cách mạng. Người nói; " trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang: và công, nông, trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối".

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công - nông luôn được Người xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, sức mạnh của khối liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường; ngược lại, liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường, Mặt trận dân tộc thống nhất càng vững chắc, càng có sức mạnh mà không một kẻ thù nào có thể phá nổi.

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, song nó chỉ có thể được củng cố và phát triển vững chắc khi được Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng đối với mặt trận vừa là vấn đề mang tính nguyên tắc, vừa là một tất yếu bảo đảm cho mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn. Bởi vì chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân được vũ trang bởi chủ nghĩa Mác - Lênin mới đánh giá đúng được vai trò của quần

chúng nhân dân trong lịch sử, mới vạch ra được đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn để lôi kéo, tập hợp quần chúng vào khối đại đoàn kết trong mặt trận, biến tiến trình cách mạng trở thành ngày hội thật sự của quần chúng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn xác định, mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận là mối quan hệ máu thịt. Không có Mặt trận. Đảng không có lực lượng không thể thực hiện được những nhiệm vụ cách mạng; không có sự lãnh đạo của Đảng. Mặt trận không thể hình thành, phát triển và không có phương hướng hoạt động đúng đắn. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực Lượng lãnh đạo mặt trận.

Hồ Chí Minh còn cho rằng, sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận vừa là một tất yếu, vừa phải có điều kiện. Tính tất yếu thể hiện ở năng lực nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra các quy luật khách quan của sự vận động lịch sử để vạch ra đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp, lãnh đạo Mặt trận thực hiện thành công các nhiệm vụ và cách mạng mà không một lực lượng nào, một tổ chức chính trị nào trong Mặt trận có thể làm được. Mục tiêu của Đảng là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Ngoài lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác. Mặc dù vậy, quyền lãnh đạo Mặt trận của Đảng không phải do Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, khi chưa giành được chính quyền. "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất hoạt động nhất và chân thành nhất. Chỉ trong đấu tranh và trong công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được vị trí lãnh đạo"

Đề lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải có chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn. từng thời kỳ cách mạng, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Người viết: "Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng"². Trong quá trình lãnh đạo mặt trận, Đảng phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép các thành viên trong mặt trận, phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, tuyệt đối không được lấy quyền uy của mình để buộc các thành viên khác trong mặt trận phải tuân theo. Nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác mặt trận, Hồ Chí Minh căn dặn: "Phải thành thật lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao, tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người: trái lại phải học hỏi

điều hay, điều tốt ở mọi người...phải tích cực và phải chủ động...làm việc phải kiên nhẫn, phải thiết tha với công tác Mặt trận.

Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều”^[1]

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất là để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, song khối đại đoàn kết đó chỉ có thể thực hiện bền chặt và lâu dài khi có sự thống nhất cao độ về mục tiêu và lợi ích. Ngay từ năm 1925, khi nói về chiến lược đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, chỉ có thể thực hiện đoàn kết khi có chung một mục đích, một số phận. Nếu không suy nghĩ như nhau, nếu không có chung một mục đích, chung một số phận thì cộ kêu gọi đoàn kết thế nào đi nữa, đoàn kết vẫn không thể nào có được.

Mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất được Hồ Chí Minh xác định cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Như vậy, độc lập, tự do là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc. tôn giáo vào trong Mặt trận, vấn đề còn lại là ở chỗ phải làm thế nào để tất cả mọi người thuộc bất cứ giai tầng nào, lực lượng nào trong Mặt trận cũng phải đặt lợi ích tối cao đó lên trên hết, trước hết. Bởi lẽ lợi ích tối cao của dân tộc được bảo đảm thì lợi ích cơ bản của mỗi bộ phận, mỗi người mới thực hiện.

Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc những quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân cũng được Hồ Chí Minh kết tinh vào tiêu chí của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là độc lập tự do, hạnh phúc. Các tiêu chí này được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cụ thể hóa trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với mọi tầng lớp, từng đối tượng trong mỗi thời kỳ lịch sử.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc. tôn giáo khác nhau với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự

áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Đảng là lực lượng lãnh đạo mặt trận, nhưng cũng là một thành viên của mặt trận. Do vậy, tất cả mọi chủ trương, chính sách của mình. Đảng phải có trách nhiệm trình bày trước Mặt trận, cùng với các thành viên khác của Mặt trận bàn bạc, hiệp thương dân chủ để tìm kiếm các giải pháp tích cực và thống nhất hành động, hướng phong trào quần chúng thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã vạch ra.

Để thực hiện nguyên tắc hiệp thương dân chủ phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và ích lợi giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt.. Phải làm cho tất cả các thành viên trong mặt trận thấm nhuần lợi ích chung, lợi ích tối cao của dân tộc, phải đặt lợi ích chung lên trên hết trước hết. Những lợi ích riêng chính đảng phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. Ngược lại, những lợi ích bộ phận không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết cùng với tiến trình chung của cách mạng, thông qua lợi ích chung, với sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Trong quá trình hoạt động, mặt trận cần quan tâm, xem xét, giải quyết thỏa đáng, thấu tình đạt lý mối quan hệ lợi ích giữa các thành viên bằng việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích trong mặt trận dân tộc thống nhất sẽ góp phần củng cố sự bền chặt, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao và thực hiện được mục tiêu: "Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh". Đồng thời, đó cũng là cơ sở để mở rộng khối đại đoàn kết, lôi kéo thêm các lực lượng khác vào mặt trận dân tộc thống nhất.

- Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

Là một tập hợp nhiều giai tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên của Mặt trận vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để thu hẹp những nhân tố khác biệt, cục bộ, nhân lên những nhân tố tích cực, nhân tố chung, đi đến thống nhất, đoàn kết. Để giải quyết vấn đề này, một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm: "cầu đồng tồn dị" - lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác, Người nêu rõ: "Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết" Người thường xuyên căn dặn mọi người cần phải khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, đồng thời phải có tấm lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng, khắc phục thiên kiến, hẹp hòi, thiên cận, phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt, nhằm củng cố và mở rộng khối đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất. Người viết: "Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và



lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ"

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất, một mặt Đảng ta luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả mọi lực lượng có thể tranh thủ được vào mặt trận; mặt khác, luôn đề phòng và đấu tranh chống mọi biểu hiện của khuynh hướng đoàn kết một chiều, về nguyên tắc, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận.

13. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

14. Định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh.

Trong ngôn ngữ của nhân loại, khái niệm văn hóa có nhiều định nghĩa, có nhiều cách hiểu nhất. Hiện có đến vài trăm định nghĩa về văn hóa trong đó có định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh đưa ra năm 1943.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm văn hoá được hiểu theo cả ba nghĩa rộng, hẹp và rất hẹp:

Theo nghĩa rộng- Hồ Chí Minh nêu văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra. “Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Theo nghĩa hẹp, văn hoá là những giá trị tinh thần. Người viết: Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá. Nhưng văn hoá là một kiến trúc thượng tầng (báo Cứu quốc, tháng 8- 1945).

Theo nghĩa rất hẹp, văn hoá đơn giản chỉ là trình độ học vấn của con người được đánh giá bằng trình độ học vấn phổ thông, thể hiện ở việc Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người “phải đi học văn hóa”, “xóa mù chữ”...

Đặc biệt, năm 1943 Hồ Chí Minh viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹. Đây có



thể coi là định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh. Và đây cũng là lần duy nhất, không thấy Hồ Chí Minh trở lại định nghĩa văn hóa này.

Song, trong định nghĩa này. Hồ Chí Minh cho chúng ta hiểu được:

- Văn hóa là những sáng tạo và phát minh của con người.
- Nguồn gốc của văn hóa là lẽ sinh tồn của con người.
- Văn hóa là mục đích và động lực của cuộc sống, nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.
- Cấu trúc của văn hóa: ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, luật pháp, khoa học, tôn giáo, văn học - nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng.
- Văn hóa là tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt (ứng xử, giao tiếp).

Điều thú vị là định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh có nhiều điểm gần giống với quan niệm hiện đại của UNESCO về văn hóa theo các khía cạnh sau: Phức thể, tổng thể nhiều mặt: nét riêng biệt, đặc trưng riêng về tinh thần và vật chất, khắc họa nên bản sắc; nghệ thuật, văn chương, và những quyền cơ bản của con người, hệ thống giá trị: cách ứng xử và sự giao tiếp.

15. Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.

a) Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội.

Một là, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm này. Ở đây, Hồ Chí Minh đặt văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và các vấn đề này có quan hệ với nhau rất mật thiết. Cho nên trong công cuộc xây dựng đất nước, cả bốn vấn đề này phải được coi trọng như nhau.

Trong quan hệ với chính trị xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng, chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Người nói: "Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy... Dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được"¹. Để văn hóa phát triển tự do, phải làm cách mạng chính trị trước, ở Việt Nam, tiến hành cách mạng chính trị thực chất là tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển.

Trong quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ rõ kinh tế là thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa. Từ đó Người đưa ra luận điểm: Phải chú trọng xây dựng

kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa. Người viết: Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng: nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là kinh tế phải đi trước một bước. Người viết: "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế. Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì thế kinh tế phải đi trước"¹.

Hai là, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

Đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh không nhấn mạnh một chiều về sự phụ thuộc "thụ động" của văn hóa vào kinh tế, chờ cho kinh tế phát triển xong rồi mới phát triển văn hóa. Người cho rằng, văn hóa có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị. Người nói: "Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp cho chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"¹.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị, có nghĩa là văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Quan điểm này không chỉ định hướng cho việc xây dựng một nền văn hóa mới ở Việt Nam mà còn định hướng cho mọi hoạt động văn hóa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, quan điểm 'Văn hóa cũng là một mặt trận', "Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến"... mà Người đưa ra đã tạo nên một phong trào văn hóa văn nghệ sôi động chưa từng thấy. Văn hóa không đứng ngoài mà ở trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Và cuộc kháng chiến trở thành cuộc kháng chiến có tính văn hóa. Chính điều này đã đem lại sức mạnh vượt trội cho nhân dân Việt Nam đánh thắng: cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị, điều đó cũng có nghĩa là kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hóa, điều mà chủ nghĩa xã hội và thời đại đang đòi hỏi. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương gắn văn hóa với phát triển, chủ trương đưa các giá trị văn hóa thấm sâu vào kinh tế và chính trị, làm cho văn hóa thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh đã bắt tay ngay vào việc xây dựng một nền văn hóa mới. Nhiều vấn đề về văn hóa đã được đặt ra và giải quyết ngay trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng, như: giải quyết nạn dốt, giáo dục nhân dân tinh thần cần, kiệm, liêm, chính; cấm hút thuốc phiện, lương giáo đoàn kết và tự do tín ngưỡng... Như vậy nền văn hóa mới ra đời đã gắn liền với nước Việt Nam mới. Nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là nền văn hóa kháng chiến, kiến quốc, nền văn hóa dân chủ mới. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nền văn hóa được xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

- Mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau song nền văn hóa mới mà chúng ta xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn bao hàm ba tính chất: tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng.

Tính dân tộc của nền văn hóa được Hồ Chí Minh biểu đạt bằng nhiều khái niệm, như đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của dân tộc khác. Người cho rằng, để được như vậy, phải "trau dồi cho văn hóa, văn nghệ có tinh thần thuần túy Việt Nam", phải "lột tả cho hết tinh thần dân tộc", đó là chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết, khát vọng độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường... của dân tộc. Người cho rằng, "nếu dân tộc hóa mà phát triển đến cực điểm thì tức là đến chỗ thế giới hóa nó vì lúc bấy giờ văn hóa thế giới sẽ phải chú ý đến văn hóa của mình và văn hóa của mình sẽ chiếm được địa vị ngang với các nền văn hóa thế giới"^[1]. Tính dân tộc của nền văn hóa không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn phải phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

Tính khoa học của nền văn hóa mới thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại. Tính khoa học của văn hóa đòi hỏi phải đấu tranh chống lại những gì trái với khoa học, phản tiến bộ, phải truyền bá tư tưởng triết học mácxít đấu tranh chống lại chủ nghĩa duy tâm, thần bí, mê tín dị đoan, phải biết gạn đục khơi trong, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tính đại chúng của nền văn hóa được thể hiện ở chỗ nền văn hóa ấy phải phục vụ nhân dân và do nhân dân xây dựng nên, Hồ Chí Minh nói, "văn hóa phục vụ ai? cố nhiên, chúng ta phải nói là phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân"; "Quần chúng là những người sáng tạo, còn nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng



không chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa..."

b) Chức năng của văn hóa rất phong phú, đa dạng. Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa có ba chức năng chủ yếu sau đây:

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp.

Tư tưởng và tình cảm là hai vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Chức năng cao quý nhất của văn hóa là phải bồi dưỡng, nêu cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân, loại bỏ được những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng, tình cảm mỗi con người. Tư tưởng và tình cảm rất phong phú, văn hóa phải đặc biệt quan tâm đến những tư tưởng và tình cảm lớn, chi phối đời sống tinh thần của mỗi con người và cả dân tộc.

Lý tưởng là điểm hội tụ của những tư tưởng lớn của một Đảng, một dân tộc. Đối với nhân dân Việt Nam đó là lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Một khi lý tưởng này phai nhạt thì không thể nói đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Chính vì vậy Hồ Chí Minh đã chỉ ra chức năng hàng đầu của văn hóa là phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ độc lập, tự do; phải làm thế nào cho ai cũng "có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung và quên lợi ích riêng". Tình cảm lớn, theo Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người yêu tính trung thực, chân thành, thủy chung, ghét những thói hư tật xấu, sự sa đọa..

Hai là, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí.

Nói đến văn hóa là phải nói đến dân trí. Đó là trình độ hiểu biết, là vốn kiến thức của người dân. Nâng cao dân trí phải bắt đầu từ chỗ biết đọc, biết viết để có thể hiểu biết các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như: Kinh tế, chính trị, lịch sử, khoa học — kỹ thuật, thực tiễn Việt Nam và thế giới... Vấn đề nâng cao dân trí thực sự chỉ có thể thực hiện sau khi chính trị đã được giải phóng, toàn bộ chính quyền đã về tay nhân dân.

Mục tiêu nâng cao dân trí của văn hóa trong từng giai đoạn cách mạng có thể có những điểm chung và riêng. Song, tất cả đều hướng vào mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao dân trí là để nhân dân có thể tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, góp phần cùng Đảng "biến một nước đốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"¹. Đó cũng là mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh" mà Đảng ta đã vạch ra trong công cuộc đổi mới.



Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống đẹp, lành mạnh; hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.

Phẩm chất và phong cách được hình thành từ đạo đức, lối sống, từ thói quen của cá nhân và phong tục tập quán của cả cộng đồng. Phẩm chất và phong cách thường có mối quan hệ gắn bó với nhau. Mỗi người thường có nhiều phẩm chất, trong đó có phẩm chất chung và phẩm chất riêng, tùy theo nghề nghiệp, vị trí công tác. Các phẩm chất thường được thể hiện qua phong cách, tức là lối sinh hoạt, làm việc, lối ứng xử trong đời sống. Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề ra những phẩm chất và phong cách cần thiết để mỗi người tự tu dưỡng. Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến phẩm chất đạo đức - chính trị. Bởi vì, nếu không có những phẩm chất này thì họ không thể hoàn thành được những nhiệm vụ cách mạng, không thể biến lý tưởng thành hiện thực.

Những phẩm chất và phong cách tốt đẹp làm nên giá trị của con người. Văn hóa giúp con người hình thành những phẩm chất phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh thông qua phân biệt cái đẹp, lành mạnh với cái xấu xa, hư hỏng, cái tiến bộ với cái lạc hậu, bảo thủ. Từ đó giúp con người phấn đấu làm cho cái tốt đẹp, lành mạnh ngày càng tăng, càng nhiều, càng lạc hậu, bảo thủ, ngày càng giảm, vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ để hoàn thiện bản thân. Với ý nghĩa đó Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Phải làm thế nào cho văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi.

16. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức.

- Trong toàn bộ cuộc đời, HCM luôn luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và thực sự Người đã làm 1 cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam với việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng.
- Khi đánh giá vai trò của đạo đức CM, HCM coi đạo đức là nền tảng của người CM, cũng như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Việc chăm lo gốc, nguồn của công việc là của Đảng, toàn dân, gia đình, con người trong xã hội.

Nhận thức sâu sắc vai trò của đạo đức cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trang đầu của tác phẩm Đường cách mạng viết năm 1927 Hồ Chí Minh đã dành để viết về Tư cách người cách mạng. Người yêu cầu người cách mạng phải biết hy sinh ít lòng ham muốn về vật chất, không ngại gian khổ khó khăn, thậm chí có thể phải hy sinh tính mạng của mình cho sự nghiệp chung. Người cách mạng phải rất khiêm tốn, không hiếu danh, không kiêu ngạo, cả quyết sửa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát, nếu thấy việc đúng

thì phải quyết tâm làm và phải chịu trách nhiệm trước việc mình làm. Quần chúng tin và theo cách mạng trước hết họ tâm phục đạo đức, gương hy sinh của người cách mạng. Họ thống nhất trong ý thức đạo đức sẽ tạo sức mạnh vô địch trong hành vi đạo đức, có thể lấy nhân nghĩa mà thắng hung tàn, đem trí nhân mà chế ước cường bạo.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Theo Hồ Chí Minh thì đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Người từng viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.

Vì sao đạo đức cách mạng lại là gốc, nền tảng và ngọn nguồn sức mạnh của người cách mạng? Có nhiều lý do, song Hồ Chí Minh thường nhắc tới ba lý do cơ bản sau:

- Sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự nghiệp cách mạng to lớn, rất khó khăn, chưa từng có trong lịch sử, hoàn thành nó đòi hỏi không phải một mà nhiều thế hệ tận trung với nước tận hiếu với dân.
- Kẻ thù của cách mạng Việt Nam luôn là những tên phong kiến thực dân đế quốc gian ác mất nhân tính, chúng ta không hy vọng vào lòng tốt, “sự rủ lòng thương” của chúng để có độc lập cho Tổ quốc và tự do, hạnh phúc cho con người. Để đạt được mục tiêu ấy, chỉ bằng con đường đấu tranh kiên cường, bằng chiến đấu giành lấy, bằng sự hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu làm nô lệ, khi đó mỗi người phải nêu cao đạo đức cách mạng.
- Chủ nghĩa Mác - Lênin là cách mạng và khoa học. Đến với nó đòi hỏi mỗi người phải có quyết tâm cách mạng và tri thức khoa học, có cái tâm trong sáng và cái đức cao đẹp. Đặc biệt, để hiện thực nó trong cuộc sống càng đòi hỏi người cách mạng không những có tâm sáng, đức cao thượng mà còn cần có cái trí mẫn tuệ và chỉ khi có cái đức thì mới đi đến được cái trí. Cái đức là cái bảo đảm cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình đã tin, đã hiểu và đang theo. Hồ Chí Minh không chỉ đòi hỏi mỗi người vừa hồng vừa chuyên mà cả Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

Nhờ những người cách mạng có và giữ vững đạo đức cách mạng, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam, đã đưa dân tộc ta thoát khỏi ách áp bức ngoại bang, đang thoát đói giảm nghèo vươn lên tiến kịp các nước để sánh vai với các cường quốc năm châu như Hồ Chí Minh mong đợi.

- Vai trò của đạo đức CM còn thể hiện ở chỗ đó là thước đo lòng cao thượng của con người.

- Là 1 hình thái ý thức xã hội, giá trị đạo đức tinh thần một khi được con người tiếp nhận sẽ biến thành 1 sức mạnh vật chất.

- Có đạo đức CM thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng k lùi bước, chán nản,...; khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ tinh thần khiêm tốn, “ lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo,.. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người trấn trở với nguy cơ Đảng xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng, rơi vào thoái hóa, biến chất. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải "là đạo đức, là văn minh". Người thường nhắc lại ý của V.I.Lênin: đảng cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Trong Di chúc, người căn dặn: "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"

- Đạo đức là cái gốc của ng CM, không có nghĩa là tuyệt đối hóa mặt đạo đức, coi nhẹ mặt tài, mà phải nhận thức đức và tài có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế Người nói: "Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất".

Như vậy, trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất làm một. Trong đó: đức là gốc của tài; hồng là gốc của chuyên; phẩm chất là gốc của năng lực. Tài thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động.

=> Như vậy, trong tư tưởng HCM, đạo đức CM là vũ khí mạnh mẽ, góp phần quyết định và thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

17. Tư tưởng Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng.

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, những phẩm chất đạo đức được nêu ra là phù hợp với từng đối tượng. Hơn nữa, Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ nhất định. Có thể khái quát thành những phẩm chất chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới. Nói cách khác, đó là những chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam mà mọi người cần được bồi dưỡng, giáo dục.

1. Trung với nước, hiếu với dân

Về quan hệ đạo đức thì đây là mối quan hệ của mỗi người với đất nước mình, với nhân dân, dân tộc mình, là mối quan hệ lớn nhất, về phẩm chất đạo đức thì trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất.

Trung với nước là sự trung thành, yêu quý, báo ân, báo đáp của mỗi một người đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nước ở đây được hiểu ở ba cấp độ:

- Là đất và nước, lãnh thổ, tài nguyên, môi trường... giới hạn bởi biên giới quốc gia.
- Là quốc vong, quốc túy, quốc hồn, tựu trung trong quốc thể, hình thành từ những quan hệ đan xen giữa chính trị, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý và truyền thống lịch sử: đó là bản sắc dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam.
- Là bộ máy công quyền, hệ thống quyền lực thực thi quyền lực chính trị nhà nước, thực thi sức mạnh của nhân dân.

Tư tưởng trung với nước, hiếu với dân của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân của đất nước. Khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu, cưỡi cổ nhân dân”, thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước. Có thể nói rất ít lãnh tụ cách mạng đã nói về dân như vậy. Nhưng vấn đề không phải chỉ là nói mà phải làm như thế nào, có làm hay không, điều này càng làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt xa lên phía trước.

- Nội dung chủ yếu của trung với nước là:

+Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ Quốc, của CM lên trên hết, trước hết

+Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu các mạng.

+Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nội dung của Hiếu với dân là:

+ Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhân dân

+ Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gắn bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

+ Chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào

cũng đánh thắng. Câu nói đó của Người vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam. không phải chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng trước mắt mà còn lâu dài về sau.

Đối với cán bộ, đảng viên, như Hồ Chí Minh đã nói. "điều chủ chốt nhất" của đạo đức cách mạng là "quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng", là "tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân", là "trung với nước, hiếu với dân" hơn nữa phải là "tận trung, tận hiếu thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân tin yêu, quý mến, kính trọng, nhất định sẽ tạo ra sức mạnh to lớn cho cách mạng.

2. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa

Hồ Chí Minh đã xác định yêu thương con người là một trong những đạo đức cao đẹp nhất. Bản thân Hồ Chí Minh đã dành tình yêu thương trọn vẹn của mình cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức, bóc lột cho đồng chí, đồng bào.

Trên phương diện đạo đức, yêu thương con người đòi hỏi mỗi người phải luôn luôn chặt chẽ, nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng với người khác, phải có thái độ tôn trọng con người, biết cách nâng con người lên chứ không phải hạ thấp, vùi dập con người

Yêu thương con người, theo Hồ Chí Minh, còn được thể hiện qua việc đối xử, có thái độ khoan dung, độ lượng với những người có sai lầm, khuyết điểm, kể cả với những người lầm đường lạc lối. đã hối cải, với cả những kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc đã chịu quy hàng. Chính tình yêu thương đó đã đánh thức những gì tốt đẹp mà Hồ Chí Minh tin trong mỗi người đều có, tuy nhiều ít có khác nhau.

Trong Di chúc Hồ Chí Minh căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Đây là tình thương yêu trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng, phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Điều này hoàn toàn xa lạ với thái độ dĩ hoà vi quý, bao che sai lầm, khuyết điểm cho nhau, và càng xa lạ với thái độ, yêu nên tốt ghét nên xấu, bè cánh có thể đưa đến những tổn thất lớn cho cách mạng, cho Đảng.

3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư gắn liền và là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất trung với nước hiếu với dân. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư lấy chính bản thân mỗi người làm đối tượng điều chỉnh, nó diễn ra hằng ngày, hằng giờ. Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức mà mỗi người phải có, nếu thiếu một đức thì không thành



người, như trời phải có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; đất phải có bốn phương đông, tây, nam, bắc. Và Người giải thích:

Cần là siêng năng, chăm chỉ; lao động có kế hoạch, có hiệu quả. có hiệu suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh.

Kiệm là tiết kiệm (thời gian, công sức. của cải...) của nước, của dân. "không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi".

Liêm là trong sạch, luôn tôn trọng của công và của dân. Phải "trong sạch, không tham lam" tiền của, địa vị, danh tiếng.

Chính là thẳng thắn, đứng đắn.

Hồ Chí Minh không chỉ giải thích nội dung của cần, kiệm, liêm, chính, mà Người còn chỉ rõ mối quan hệ giữa bốn đức đó: "Cần. kiệm, liêm là gốc rễ của chính... Mọi người phải cần, kiệm, liêm nhưng còn phải chính thì mới hoàn toàn".

⇒ Các đức tính của mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau. Cần mà không kiệm giống như một chiếc thùng k đáy. Kiệm mà k cần thì lấy gì mà kiệm. Cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Nhưng 1 cây cần có gốc rễ, lại cần có cành lá, hoa, quả mới là hoàn chỉnh.

⇒ Cần, kiệm, liêm, chính cần thiết đối với tất cả mọi người, lại càng cần thiết với cán bộ, đảng viên

Theo Hồ Chí Minh cần, kiệm, liêm, chính, là thước đo văn minh, tiến bộ của dân tộc. Người viết: "một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ". Đồng thời Hồ Chí Minh cũng coi cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của "đời sống mới".

- Chí công vô tư:

+ Chí công vô tư là không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào; là đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Thực hành chí công vô tư cũng có nghĩa là phải kiên quyết quết sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

Một người cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư và ngược lại đã chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính và còn có nhiều tính tốt khác.

Bồi dưỡng phẩm chất cần kiệm liêm chính, chí công vô tư sẽ làm cho con người vững vàng trước mọi thử thách: Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục. Nhưng đây là vấn đề hết sức phức tạp, nói dễ làm khó, và trong cuộc sống vẫn còn hay vi phạm. Bởi vì nó đụng chạm đến nhiều mặt lợi ích cá nhân

mà tập trung nhất là chức quyền, danh lợi. Nếu không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân, thì bất cứ ai cũng có thể sa vào những hành vi vô đạo đức.

4. Tinh thần quốc tế trong sáng

Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, mà Hồ Chí Minh đã nêu lên bằng mệnh đề “Bốn phương vô sản đều là anh em”. Đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước, mà Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp bằng hoạt động cách mạng thực tiễn của bản thân và bằng sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc. Đó là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì hoà bình, công lý và tiến bộ xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, đương nhiên phải là chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Nếu tinh thần yêu nước không chân chính và tinh thần quốc tế không trong sáng thì sẽ dẫn đến chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc hoặc chủ nghĩa bành trướng bá quyền. Tất cả những khuynh hướng ấy có thể phá vỡ một quốc gia dân tộc, hay một liên bang quốc gia đa dân tộc, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung, thậm chí có thể đưa đến tình trạng đối đầu, đối địch gây chiến tranh sắc tộc, cục bộ.

18. Tư tưởng Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.

a) Nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức:

Nói đi đôi với làm Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức. Điều này được Hồ Chí Minh khẳng định từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX trong tác phẩm Đường Cách Mệnh Bản thân Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng lời nói đi đôi với việc làm. Nói đi đôi với làm là bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh – Đạo đức cách mạng. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả của giai cấp bóc lột, nói một đằng làm một nẻo, thậm chí nói mà không làm. Ngay sau khi thắng lợi của Cách Mạng Tháng Tám. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của thói đạo đức giả ở một số cán bộ, "vác mặt làm quan cách mạng", nói mà không làm. Sau này, Người đã nhiều lần bàn đến việc tẩy sạch căn bệnh quan liêu, coi thường quần chúng của một số cán bộ, đảng viên "miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối "quan" chủ. Miệng thì nói "phụng sự quần chúng". nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ", làm tổn hại uy tín của Đảng và Chính phủ trước nhân dân.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh đã có lần chỉ rõ: "Nói



chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền". Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiên phong, mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng: "đạo làm gương". Người nói: "Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới". Để làm được như thế phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình người tốt, việc tốt rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động sản xuất, trong chiến đấu, trong học tập... bởi theo Người, từng giọt nước chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, thành biển cả. Không nhận thức được điều này là "chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc". Người nói: "Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có"

b) Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi:

- tại sao làm CM là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống?

+ Bên cạnh việc xây dựng những phẩm chất tốt đẹp thì HCM chỉ rõ: “ Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng.

+ Mặt khác, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, cuộc chiến đấu không lờ. Trong cuộc chiến đấu đó, có nhiều kẻ địch nguy hiểm.

=> Vì vậy mà xây phải đi đôi với chống

- Theo HCM, chống và xây có mối quan hệ biện chứng, Chống và xử lý nghiêm là nhằm xây, đi liền với xây và muốn xây thì phải chống, Mục đích cuối cùng là xây dựng con người có đạo đức và nền đạo đức mới Việt Nam, vì vậy phải xác định đây là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài:

- Xây dựng những phẩm chất đạo đức mới có nhiều cách làm, cụ thể:

giáo dục: nhà trường, gia đình, xã hội, tấm gương; hoạt động thực tiễn: cá nhân, tập thể, xã hội; khơi dậy sự tự ý thức của mỗi người;

- Chống cái xấu, cái vô đạo đức có nhiều biện pháp”

Bằng tự phê bình và phê bình, giáo dục, thuyết phục, kỷ luật của Đảng hay của đoàn thể, bằng pháp luật



- Sau khi giành đc chính quyền, HCM chỉ ra những tệ nạn, suy thoái trong cán bộ, Người cho rằng có 3 loại chính là tham ô, lãng phí, quan liêu và nguồn gốc là chủ nghĩa cá nhân. Người coi đây là “những kẻ thù nguy hiểm”; “giặc trong lòng”, “giặc nội xâm”, “đồng minh của thực dân phong kiến”, “là tội ác”. Vì vậy để xây dựng đạo đức mới, chống đạo đức giả tao cần phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi cho toàn dân, toàn ngành..

c) Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời:

- HCM chỉ rõ: mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như rửa mặt hàng ngày, phải “chính tâm, tu thân”, phải kiên trì, bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan, tự mãn.

- Theo người, là người ai cũng có chỗ hay chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có thiện ác trong bản thân, vấn đề là dám nhìn thẳng vào bản thân mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục(tránh tình trạng không biết mình là ai, ở đâu, hoặc biết mà không sửa)

- Để việc tu dưỡng đạo đức mới có kết quả trong mọi môi trường, mọi mối quan hệ, mọi địa bàn, mọi hoàn cảnh thì việc tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người.

=> có rèn luyện như vậy, con người mới có những phẩm chất đạo đức cao đẹp và những phẩm chất ấy càng bồi đắp, nâng cao.

19. Giá trị và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

a) Giá trị

b) Vận dụng:

- Phương hướng vận dụng: nắm vững thực tiễn của đất nước ta, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin, TTHCM vào giải đáp đúng đắn những vấn đề thực tiễn của đất nước.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, với đường lối chỉ đạo đúng đắn của Đảng, công cuộc đổi mới của nhân dân ta đã đạt được những thành tựu bước đầu vô cùng to lớn. Tuy nhiên, khi sự nghiệp đổi mới ngày càng mở rộng và phát triển theo chiều sâu, những biến đổi trên thế giới ngày càng phức tạp, những vấn đề mới đặt ra càng nhiều, thì việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm ra những định hướng đúng đắn cho việc giải quyết những vấn đề ấy ngày càng trở nên vô cùng quan trọng. Dưới đây, chúng tôi xin nêu mấy định hướng nổi bật mà chúng tôi cho là quan trọng cần được tập trung giải quyết:

- **Kiên trì và giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội:**



Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chính là phương hướng chiến lược mà Hồ Chí Minh đề ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930). Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội thực sự đem lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân, là nhân tố đảm bảo vững chắc cho nền độc lập dân tộc.

Công cuộc đổi mới của đất nước đang đứng trước những thời cơ, song cũng nhiều nguy cơ thử thách. Hai trong bốn nguy cơ đã được Đảng ta tổng kết đến nay vẫn không hề thay đổi, đó là: chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Những nguy cơ này đòi hỏi chúng ta phải không ngừng nâng cao cảnh giác trong quá trình hội nhập và phát triển. Thực tế công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã chứng minh: kiên trì, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội sẽ đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi mới.

- Khai thác và phát huy các nguồn lực của dân tộc và thời đại nhằm phát triển đất nước:

Trước hết, phải thực sự lấy dân làm gốc, coi dân là chủ của chế độ, phải quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trên cơ sở đó, động viên nhân dân tham gia nhiệt tình vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước với phương châm: Đem của dân, tài dân, sức dân để làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, khuyến khích, tạo cơ hội để nhân dân tham gia giám sát, phản biện đường lối, chủ trương, hoạt động của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị. Phát huy và thực hành dân chủ được Hồ Chí Minh coi là “chiếc chìa khóa vạn năng” để tháo gỡ những khó khăn do thực tiễn đặt ra.

Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người, thực sự coi nhân tố con người là động lực chính, quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới phải có chính sách “chiêu hiền, đãi sĩ” tốt hơn nữa để nhân tài được sử dụng và phát huy.

Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, mềm dẻo và linh hoạt, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ nắm bắt những cơ hội do quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tạo ra để xây dựng một nền kinh tế vững mạnh, tạo tiền đề để phát triển khoa học - công nghệ, củng cố an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ:



Đảng phải thực sự coi trọng công tác xây dựng Đảng, thường xuyên củng cố, tự đổi mới, tự chỉnh đốn để ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao hơn của công cuộc đổi mới đặt ra.

Trong hoạt động của mình, Đảng, Nhà nước phải thường xuyên bám sát thực tiễn, tổng kết lý luận để hoạch định đường lối lãnh đạo đúng đắn. Đường lối đúng chính là sức mạnh của Đảng, là cơ sở chắc chắn nhất để Đảng quy tụ, lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới.

Đề phòng, khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Những tiêu cực như: tham ô, tham nhũng, hách dịch, cửa quyền, bè phái, cục bộ địa phương... là những thực tế nhức nhối, gây bức xúc, làm suy giảm lòng tin của nhân dân, đòi hỏi phải được giải quyết dứt điểm.

Để có thể xây dựng một Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, đòi hỏi Đảng phải tập hợp trong Đảng những con người thực sự chân chính, giác ngộ, cách mạng và tiến bộ nhất; Đảng phải thực sự là đạo đức, là văn minh, là đại biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và của thời đại như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Chấn chỉnh lại đạo đức xã hội, thiết lập và thực hiện nghiêm những chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh:

Nền kinh tế thị trường đang tạo ra những lối sống lạnh lùng, cá nhân, nhỏ nhen, ích kỷ, coi đồng tiền là trên hết, sẵn sàng làm mọi việc để thỏa mãn ham muốn của mình, coi thường kỷ cương phép nước, chà đạp những chuẩn mực đạo đức xã hội. Đời sống đạo đức của xã hội đang dần lâm vào khủng hoảng, khoa học xã hội nhân văn không được coi trọng, việc giáo dục đạo đức ở nhiều gia đình chưa được chú ý, xã hội “mạnh ai người ấy sống” đang đe dọa sự phát triển bền vững của chúng ta. Chủ trương phát động phong trào “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” của Đảng ta trong những năm qua là đúng đắn, song chưa đạt được hiệu quả cao. Vì vậy, việc chấn chỉnh lại đạo đức xã hội, thiết lập và thực hiện nghiêm những chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ vô cùng cấp bách.

Trong một thế giới đầy những biến động, giữa một xã hội đang tạo ra cho con người những mệt mỏi thất vọng thì đạo đức Hồ Chí Minh là “Kim chỉ nam” định hướng cho chúng ta. Giáo sư Sử học Ấn Độ Xanti Mauroi (Santimauroy) nhận xét có lý rằng: “Ngày nay nhân loại đang ở ngã tư đường một sự xáo động mãnh liệt khác. Nhân loại đói khát, bị tước đoạt, bị áp bức, đang kinh hoàng nhìn cuộc diễu hành huyền hoang của phồn vinh và giàu có, bị chà đạp bởi sự giả nhân, giả nghĩa xã hội ghê gớm, đi liền với cuộc cách mạng kỹ thuật



VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

không lò đã tạo nên cho loài người vô vàn quyền lực, của cải và ảnh hưởng, nhưng lại không có sự tiến bộ tinh thần tương ứng và các giá trị nhân đạo phổ biến là cái gắn bó loài người thành một khối đoàn kết anh em vững chắc từ buổi bình minh của văn minh. Nhân loại dần dần đang nhường bước cho sự xuất hiện tàn nhẫn của ham muốn cá nhân, ích kỷ để thống trị như chưa hề thấy. Chính sự xuyên tạc các giá trị nhân đạo đã làm nảy sinh những sự thiên lệch nghiêm trọng khác, xa rời con đường biến đổi cách mạng về xã hội và văn hóa số phận con người xung quanh ta. Điều cần đến là một cuộc nổi dậy về đạo đức, một sự phục hưng mới chống lại quá trình bất ổn định, phi nhân tính này - ít nhiều nổi bật khắp thế giới. Ở giữa cơn khủng hoảng này, nhân loại đã sản sinh ra những danh nhân lỗi lạc làm nên thời đại như Lenin, Hồ Chí Minh và Găngđi là những người đã để lại những dấu ấn không thể sai lầm của mình để được tiếp tục theo đuổi trong các đảo lộn nhiều biến động”.

Mời các bạn tham khảo thêm: <https://vnDoc.com/tai-lieu>